



BẢN TIN

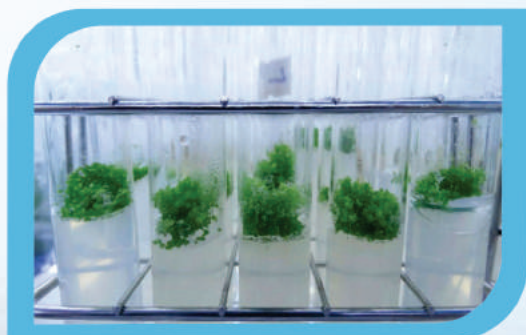
KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH AN GIANG

ISSN 1859 - 0268

SỐ 05/2021

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH AN GIANG



**MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG THAM GIA PHÒNG, CHỐNG COVID-19
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG**



Công đoàn viên tình nguyện tham gia hỗ trợ công tác đón công dân An Giang ngoài tỉnh về địa phương



Thiết kế và lắp đặt đèn UV khử khuẩn tự động nhà vệ sinh ở khu cách ly F1 xã Phú Lâm, huyện Phú Tân



Tham dự lớp tập huấn lấy mẫu test nhanh Sars-Cov-2 do CDC An Giang tổ chức



Tổ chức thử nghiệm biện pháp xông mũi họng bằng tinh dầu hỗ trợ sát khuẩn hô hấp cho người nhiễm Sars-Cov-2 không có triệu chứng (F0)



Tổ chức test nhanh Sars-Cov-2 cho công chức, viên chức và người lao động của Sở



Sản xuất thử nghiệm một số sản phẩm hỗ trợ phòng ngừa Sars-Cov-2 (trà xuyên tâm liên, tinh dầu chúc,...)



ISSN 1859 - 0268

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Ths. TÀNG PHÚ AN

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Trưởng Ban biên tập:

Ths. LÊ QUỐC CƯỜNG

Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Phó Trưởng Ban biên tập:

Ths. TRẦN PHÚ VINH

Thư ký:

Ks. HÀ THỊ MỸ TRANG

Biên tập viên:

Ths. ĐẶNG THỊ TIẾP THU

Ths. TRẦN NGỌC PHƯƠNG ANH

Ks. TRƯƠNG BẢO QUỐC

Ks. TRƯƠNG TUẤN KIẾT

Trình bày

NGÔ THỊ XUÂN

Tòa soạn:

Số 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

☎ (0296) 3852212 hoặc (0296) 3954305

✉ bantinkhcnag@gmail.com

In 550 cuốn, khổ 19x27cm tại Công ty CP In An Giang.
Giấy phép xuất bản số 02/GP-XBBT ngày 27/01/2021
của Sở Thông tin và Truyền thông An Giang.
In xong nộp lưu chiểu tháng 11/2021.

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN - CHÍNH SÁCH

1. Thông tư quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 2
2. Thông tư quy định chi tiết danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác tại Thanh tra 4
3. Quyết định ban hành Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang đến năm 2025 5
4. Kế hoạch triển khai Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 6

KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐÒI MỚI SÁNG TẠO

5. Một số kết quả nổi bật hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ 9 tháng đầu năm 2021 8
6. Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp cơ cấu lại ngành công nghiệp tỉnh An Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030 11
7. Nghiên cứu quy trình nhân giống lan ống điều (*myrmecophila tibicinis*) bằng phương pháp nuôi cấy mô 15
8. Kết quả thực hiện dự án sản xuất rau thủy canh VietGAP tại thành phố Long Xuyên 18
9. Hiệu quả mô hình trồng cây khổ qua ghép gốc mướp tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang 21
10. Một số kết quả nổi bật thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN ngành NN&PTNT giai đoạn 2013 - 2020 trên địa bàn tỉnh An Giang 23
11. Công tác triển khai áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở tại tỉnh An Giang 26
12. Ứng dụng công nghệ cao trong phát triển nông nghiệp tại An Giang: thực trạng và giải pháp 29

TIN TỨC

13. Điểm tin khoa học và công nghệ cấp huyện quý 3/2021 34
14. Tổ chức Hội đồng khoa học bằng hình thức trực tuyến góp phần phòng, chống dịch Covid-19 35
15. Xét duyệt đề cương đề tài "Hiện đại hóa bài thuốc gia truyền hỗ trợ điều trị chứng viêm xoang của bà Hồ Thị Kim Phượng, thành phố Long Xuyên, An Giang (giai đoạn 2)" 36
16. Nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh "Nghiên cứu quy trình nuôi trồng và đánh giá hoạt tính sinh học của các giống Lan Gấm (*Anoectochilus sp.*) phát triển tại Vùng Thất Sơn, tỉnh An Giang" 37
17. Lễ ra mắt Câu lạc bộ Sáng tạo trẻ Chi đoàn Sở Khoa học và Công nghệ 38
18. Kỹ thuật sản xuất nông nghiệp hữu cơ quy mô trang trại 39
19. Sở Khoa học và Công nghệ triển khai một số nhiệm vụ khoa học phòng, chống dịch covid-19 41
20. Chung kết và công bố kết quả cuộc thi "ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp tỉnh An Giang lần V năm 2021" 42
21. Chương trình nông thôn miền núi 2022: "Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất ván sản Compozit gỗ nhựa để làm vật liệu xây dựng tại tỉnh An Giang" 43
22. Kết quả tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2021 - 2022 tỉnh An Giang 44

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| | | | |
|-------|-------------------------|--------|------------------------------------|
| CNSH | Công nghệ sinh học | NHCN | Nhãn hiệu chứng nhận |
| ĐMST | Đổi mới sáng tạo | NINCNC | Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao |
| ĐBSCL | Đồng bằng sông Cửu Long | SHCN | Sở hữu công nghiệp |
| KH&CN | Khoa học và Công nghệ | SHTT | Sở hữu trí tuệ |
| KT-XH | Kinh tế - xã hội | UBND | Ủy ban nhân dân |

BỘ TÀI CHÍNH:

THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ ĐẾN NĂM 2030

Ngày 09/9/2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 75/2021/TT-BTC quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 (Thông tư). Thông tư có 03 chương, 12 điều, với các nội dung chính như sau:

Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, Thông tư quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 (Chương trình) quy định tại Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 2205/QĐ-TTg); áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện Chương trình và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Về nguyên tắc hỗ trợ, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm a và điểm b khoản 1; điểm d và đ khoản 3; khoản 4 và khoản 5 mục II điều 1 Quyết định số 2205/QĐ-TTg căn cứ nhiệm vụ được phê duyệt theo nguyên tắc như sau: ⁽¹⁾Đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ; ⁽²⁾Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở khả năng thu của đơn vị tối đa không quá 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ; ⁽³⁾Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi

thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp và các tổ chức khác: ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Về nội dung chi, Thông tư quy định đối với:

(1) Nhiệm vụ tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về ĐMST và SHTT: cung cấp dịch vụ thông tin SHTT, bản đồ sáng chế. Hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin SHTT cho các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST nhằm tạo ra các tài sản trí tuệ được bảo hộ và bài báo khoa học có tính ứng dụng cao; hỗ trợ hình thành và phát triển các tổ chức cung cấp dịch vụ phân tích thông tin sáng chế và dự báo xu hướng phát triển công nghệ; xây dựng và triển khai các chương trình tập huấn, đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu về SHTT phù hợp với từng nhóm đối tượng.

(2) Nhiệm vụ thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước: đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới; đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với chỉ dẫn địa lý, NHCN, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm quốc gia, sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của địa phương, sản phẩm gắn với Chương trình OCOP hoặc biểu tượng chỉ dẫn địa lý quốc gia.

(3) Nhiệm vụ nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ: xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, NHCN, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm thuộc Chương trình OCOP gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận

chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ; khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, NHCN, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm được bảo hộ theo chuỗi giá trị. Giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại khác nhằm khai thác, phát triển giá trị các tài sản trí tuệ; quản lý và sử dụng biểu tượng chỉ dẫn địa lý quốc gia, hỗ trợ sử dụng biểu tượng chỉ dẫn địa lý quốc gia ở trong và ngoài nước; khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích của Việt Nam được bảo hộ, sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ hoặc hết thời hạn bảo hộ tại Việt Nam; quản trị tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp và tổ chức KH&CN. Hỗ trợ tư vấn định giá, kiểm toán tài sản trí tuệ, tập trung vào các đối tượng là sáng chế, tên thương mại và nhãn hiệu.

(4) Nhiệm vụ thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền SHTT: hỗ trợ kinh phí triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền SHTT; hỗ trợ kinh phí tổ chức trưng bày, triển lãm phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền SHTT và sản phẩm xâm phạm quyền SHTT (ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản chi phí thuê mặt bằng; chi công chuyên gia xác định, lựa chọn sản phẩm, tra cứu đánh giá sản phẩm được bảo hộ và xâm phạm quyền SHTT). Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

(5) Nhiệm vụ phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền SHTT: nâng cao năng lực của tổ chức trung gian tham gia hoạt động kiểm soát, quản lý các sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, NHCN, nhãn hiệu tập thể; nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chủ thể quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý, NHCN, nhãn hiệu tập thể và giống cây trồng; tổ chức đại diện, quản lý và chủ sở hữu

quyền tác giả, quyền liên quan; phát triển dịch vụ giám định về SHTT, dịch vụ tư vấn về quản trị, phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học.

(6) Nhiệm vụ hình thành, tạo dựng văn hóa SHTT trong xã hội: tuyên truyền, nâng cao nhận thức về SHTT trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thúc đẩy ĐMST và xây dựng ý thức, trách nhiệm tôn trọng quyền SHTT; biên soạn, phát hành tài liệu về SHTT; xây dựng và vận hành phần mềm, chương trình ứng dụng trên thiết bị điện tử, thiết bị di động để cung cấp thông tin, hỗ trợ, tư vấn về SHTT; tổ chức vinh danh, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động SHTT.

(7) Chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình: chi thông tin, tuyên truyền về Chương trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình; chi tư vấn xác định, đặt hàng nhiệm vụ; tuyển chọn các tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình; kiểm tra, đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ của Chương trình; tổ chức áp dụng, phổ biến và nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ; thuê chuyên gia tư vấn (nếu cần thiết) về các nội dung, nhiệm vụ phát sinh trong quá trình quản lý và tổ chức triển khai Chương trình; tổ chức các hội thảo khoa học; chi điều tra, khảo sát để xây dựng và triển khai các hoạt động nhằm chỉ đạo và tổ chức triển khai Chương trình; điều tra, khảo sát đánh giá tiềm năng của các sản phẩm, dịch vụ nhằm xác định sự phù hợp của đối tượng, tiêu chí bảo hộ trong và ngoài nước, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ; chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình; chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, thông tin liên lạc); chi đoàn ra, đoàn vào; các khoản chi khác phục vụ trực

(xem tiếp trang 4)

THANH TRA CHÍNH PHỦ:

THÔNG TƯ QUY ĐỊNH CHI TIẾT DANH MỤC VÀ THỜI HẠN ĐỊNH KỲ CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC TẠI THANH TRA

Ngày 30/9/2021, Thanh tra chính phủ đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-TTTP về việc Quy định chi tiết danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác tại Thanh tra Chính phủ và vị trí công tác trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng tại chính quyền địa phương.

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng tại Thông tư này gồm: Thanh tra Chính phủ và các đơn vị trực thuộc Thanh tra Chính phủ; Thanh tra cấp tỉnh, cấp huyện; Thanh tra sở; ban tiếp công dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Danh mục định kỳ chuyển đổi vị trí công tác tại Thanh tra Chính phủ gồm: vị trí làm công tác thanh tra; vị trí làm công tác tiếp công dân; vị trí làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; vị trí làm công tác phòng, chống tham nhũng; vị trí làm công tác giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra; vị trí làm công tác khác được quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định

số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Danh mục định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng tại chính quyền địa phương gồm: vị trí làm công tác thanh tra; vị trí làm công tác tiếp công dân; vị trí làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; vị trí làm công tác phòng, chống tham nhũng; vị trí làm công tác giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra.

Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác quy định tại Thông tư này là từ đủ 03 năm đến 05 năm.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/11/2021. Thông tư số 10/2014/TT-TTTP ngày 24/11/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định chi tiết danh mục vị trí công tác thanh tra của công chức trong các cơ quan thanh tra nhà nước phải định kỳ chuyển đổi hết hiệu lực./.

Nguyễn Duy

Thanh tra viên, Sở KH&CN An Giang

(Nguồn: Thông tư số 03/2021/TT-TTTP ngày 30/9/2021 của Chính phủ)

(tiếp theo trang 3)

tiếp công tác quản lý và hoạt động chung của Chương trình.

Về mức chi, dự toán các nội dung chi áp dụng theo các văn bản quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 25/10/2021 và thay thế Thông tư số 14/2019/TT-BTC ngày 15/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020./.

Phòng Kế hoạch - Tài chính

Sở KH&CN An Giang

(Nguồn: Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ Tài chính)

TỈNH AN GIANG:

QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH KẾ HOẠCH HỖ TRỢ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2025

Ngày 29/6/2021, UBND tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 1406/QĐ-UBND về việc thực hiện Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST tỉnh An Giang đến năm 2025 (sau đây gọi là Kế hoạch). Kế hoạch gồm một số nội dung chính như sau:

- Về mục tiêu chung: tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới góp phần tạo việc làm, tăng năng suất lao động của tỉnh An Giang. Phát triển mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST hướng đến phát triển hoàn thiện các thành phần của Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST tỉnh An Giang khuyến khích sự tương tác, kết nối nguồn lực và các chủ thể trong hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST trong và ngoài tỉnh.

- Về mục tiêu cụ thể: xây dựng và hoàn thiện chính sách hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp ĐMST trên địa bàn tỉnh, ban hành tối thiểu 02 chính sách về thúc đẩy thị trường KH&CN; phát triển, đa dạng hóa kênh thông tin, truyền thông, xây dựng Cổng thông tin kết nối (Hub) khởi nghiệp ĐMST và tổ chức nhiều hình thức ghi nhận, tôn vinh tấm gương, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST thành công trên địa bàn tỉnh; đào tạo, tập huấn tối thiểu 30 huấn luyện viên, cán bộ phụ trách khởi nghiệp ĐMST; 500 lượt tổ chức, cá nhân hoạt động khởi nghiệp ĐMST trên toàn tỉnh; phát triển mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST dựa trên các tổ chức KH&CN và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ tối thiểu 20 dự án khởi nghiệp ĐMST, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST, hỗ trợ thành

lập tối thiểu 02 tổ hợp tác, tổ liên kết sản xuất kinh doanh do phụ nữ quản lý trên nền tảng ĐMST; xây dựng mạng lưới, kết nối hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST tỉnh An Giang.

- Về đối tượng hỗ trợ: cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp và doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới (Tiêu chí xác định dự án khởi nghiệp và doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Mục 2 Chương IV Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa). Tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất - kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp ĐMST, hoạt động hiệu quả, đáp ứng các tiêu chí theo tiêu chí theo quy định tại Mục 2 Khoản II Điều 1 của Quyết định số 844/QĐTTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Học sinh, sinh viên; tổ chức/cá nhân có hoạt động khởi nghiệp ĐMST.

- Về lĩnh vực ưu tiên: nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, công nghệ thực phẩm, dịch vụ du lịch, năng lượng tái tạo, công nghệ thông tin, tiểu thủ công nghiệp, logistics và làng nghề truyền thống có hàm lượng KH&CN... trong đó, chú trọng phát triển khởi nghiệp ĐMST gắn với chuyển đổi số, kinh tế số và kinh tế chia sẻ.

- Về nhiệm vụ trọng tâm: kế hoạch có 06 nhiệm vụ trọng tâm: ⁽¹⁾Xây dựng và ban hành chính sách về thúc đẩy thị trường KH&CN, phát triển tài sản trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường

(xem tiếp trang 7)

TỈNH AN GIANG:

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NÂNG CAO NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Thực hiện Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030. Để cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn của Tỉnh, UBND tỉnh An Giang đã ban hành Kế hoạch số 573/KH-UBND ngày 28/9/2021 về việc triển khai Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Theo đó, mục tiêu chung của Kế hoạch hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, các tổ chức đánh giá sự phù hợp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, góp phần nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh An Giang. Với 05 nội dung thực hiện:

- Một là, tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về năng suất chất lượng.

- Hai là, khảo sát thông tin doanh nghiệp về nhu cầu xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, các công cụ nâng cao năng suất chất lượng, đăng ký sử dụng mã số mã vạch và áp dụng các giải pháp về hệ thống truy xuất nguồn gốc.

- Ba là, đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng với đối

tượng chính là cán bộ, công chức, viên chức thuộc các sở, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố và cán bộ quản lý tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Bốn là, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở công bố áp dụng; hỗ trợ xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, thực hành nông nghiệp tốt (GAP), áp dụng công cụ nâng cao năng suất chất lượng, đăng ký sử dụng mã số mã vạch và áp dụng giải pháp về hệ thống truy xuất nguồn gốc.

- Năm là, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hoạt động của Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

Mục tiêu cụ thể của Kế hoạch như sau:

* Giai đoạn 2021 - 2025

- Nâng cao nhận thức, tăng cường kiến thức về năng suất chất lượng trong bối cảnh hội nhập quốc tế cho các doanh nghiệp.

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về năng suất chất lượng cho tối thiểu 100 cán bộ, công chức, viên chức thuộc các Sở, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố và cán bộ quản lý tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Đào tạo 05 chuyên gia về năng suất chất lượng, đạt tiêu chuẩn chuyên gia năng suất theo tiêu chuẩn quy định.

- Hỗ trợ xây dựng và áp dụng tối thiểu 12 hệ thống quản lý tiên tiến cho các doanh nghiệp: hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001), hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000), hệ thống quản lý môi trường (ISO 14001); hệ thống quản lý an toàn lao động và sức khỏe

ngành nghiệp (ISO 45001), thực hành nông nghiệp tốt (GAP)...

- Hỗ trợ áp dụng tối thiểu 15 công cụ nâng cao năng suất chất lượng như: 5S, Kaizen, chỉ số hoạt động chính (KPI), quản lý chất lượng toàn diện (TQM), duy trì hiệu suất thiết bị tổng thể (TPM), nhóm kiểm soát chất lượng (QCC)...

- Hỗ trợ tối thiểu 25 doanh nghiệp đăng ký sử dụng mã số mã vạch.

- Hỗ trợ tối thiểu 08 doanh nghiệp áp dụng các giải pháp về hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

Đối tượng ưu tiên là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, doanh nghiệp khởi nghiệp,

các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ chủ lực, các sản phẩm đạt chứng nhận OCOP tại các địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

* Định hướng đến năm 2030

Trên cơ sở các nội dung đã thực hiện giai đoạn 2021 - 2025, tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thông qua việc áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ nâng cao năng suất chất lượng; với các chỉ tiêu được xác định dựa trên nhu cầu khảo sát các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang./

Đào Hoa Lý

Phó Chỉ cục trưởng Chỉ cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

(Nguồn: Kế hoạch số 573/KH-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh An Giang)

(tiếp theo trang 5)

chất lượng, nâng cao năng lực ĐMST của chủ thể trong hệ sinh thái, hỗ trợ các cá nhân, tổ chức, đơn vị có nhu cầu hình thành Quỹ đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ; ⁽²⁾Truyền thông, thông tin, tuyên truyền, sự kiện về khởi nghiệp ĐMST; ⁽³⁾Đào tạo, bồi dưỡng, ươm tạo về khởi nghiệp ĐMST; ⁽⁴⁾Phát triển mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST; nâng cao năng lực và phát triển trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST, tổ chức trung gian của thị trường KH&CN; cơ sở ươm tạo; tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung; ⁽⁵⁾Hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST phát triển sản phẩm và thị trường; ⁽⁶⁾Kết nối hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST.

- Về tiến độ thực hiện: trên cơ sở mục tiêu đề ra, Kế hoạch có 06 nhiệm vụ trọng tâm với 25 nhiệm vụ cụ thể được triển khai thực hiện trong giai đoạn từ nay đến năm 2025.

- Về dự toán kinh phí thực hiện: kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN và các nguồn tài chính hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân và các quỹ đầu tư trong nước, nước ngoài.

- Về tổ chức thực hiện: Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch. Xây dựng kế hoạch, dự toán và bố trí kinh phí sự nghiệp KH&CN hàng năm, kinh phí từ các chương trình, quỹ, dự án đầu tư, dự án hỗ trợ ĐMST trong nước và quốc tế có nội dung phù hợp để triển khai Kế hoạch. Tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh nhiệm vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST hàng năm sát thực tế địa phương (nếu có). Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, thực hiện sơ kết giữa kỳ và tổng kết đánh giá, khen thưởng khi kết thúc Kế hoạch./

Phạm Hiếu Trinh

Văn phòng, Sở KH&CN An Giang

(Nguồn: Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh An Giang)

MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Nguyễn Thanh Tùng

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Trong 9 tháng đầu năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng không ít đến tiến độ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở, một số nhiệm vụ trễ hạn do chưa tổ chức được Hội thảo tổng kết và hoàn thiện hồ sơ đề nghị nghiệm thu cấp tỉnh. Tuy nhiên, nhìn chung công tác quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn tỉnh thực hiện đảm bảo theo Kế hoạch năm được phê duyệt, nhiều hoạt động được tăng cường và đạt được nhiều kết quả khả quan. Nổi bật là:

- Đã tham mưu UBND tỉnh Ban hành 03 Văn bản quy phạm pháp luật: ⁽¹⁾Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh An Giang về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định định mức chi đối với đề tài, dự án KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND; ⁽²⁾Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở KH&CN; ⁽³⁾Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh An Giang ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở KH&CN.

Ngoài ra, Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh ban hành: ⁽¹⁾Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 23/02/2021 về việc tiếp tục thực hiện nội

dung “Hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ” tại Quyết định số 1965/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang ngày 14/8/2018 cho đến khi UBND tỉnh ban hành Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn đến năm 2030; ⁽²⁾Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 về việc phê duyệt Chương trình Phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2026, tầm nhìn đến năm 2030; ⁽³⁾Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 phê duyệt Kế hoạch tuyên truyền về KH&CN phục vụ định hướng phát triển của tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025; ⁽⁴⁾Ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 Ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST tỉnh An Giang đến năm 2025; Kế hoạch triển khai Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hoá giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Tổ chức triển khai thực hiện 53 nhiệm vụ KH&CN (trong đó 17 đề tài cấp tỉnh, 07 dự án cấp tỉnh và 25 nhiệm vụ cấp cơ sở) và 04 dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi (do Trung ương quản lý). Các nhiệm vụ được triển khai nhằm tăng cường ứng dụng các mô hình dịch vụ và công nghệ sản xuất liên quan đến cơ giới hóa, tự động hóa, trong sản xuất nông nghiệp giúp giảm tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào, giảm thất thoát sau

thu hoạch, giảm sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu bệnh hóa học, giảm chi phí sản xuất và tạo sản phẩm an toàn, chất lượng, hiệu quả hơn; nghiên cứu chuỗi giá trị các mặt hàng nông sản của tỉnh như rau màu, thủy sản... nhằm tìm ra nguyên nhân và biện pháp nâng cao lợi nhuận của người nông dân khi tham gia vào chuỗi giá trị.

- Thành lập 12 Hội đồng KH&CN gồm: 01 Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2021 - 2022 và trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục 11 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2021 - 2022, 02 đề xuất chuyển sang đề xuất thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia; 01 Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn tổ chức chủ trì và xét duyệt đề cương nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh đối với 04 nhiệm vụ. Trong đó 02/04 đề cương nhiệm vụ được Hội đồng thống nhất thông qua và tổ chức 10 Hội đồng KH&CN tư vấn, đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Qua quá trình nghiên cứu, các đề tài đã được một số kết quả nổi bật như sau:

+ Xây dựng được quy trình: sản xuất chế phẩm dạng cao có tác dụng dược lý của bài thuốc điều trị chứng viêm xoang của Bà Hồ Kim Phượng và bài thuốc điều trị thoái hóa cột sống của Lương y Nguyễn Thiện Chung; quy trình bảo quản trái xoài Ba Màu tươi sử dụng màng sinh học chitosan làm tăng thời gian bảo quản trái xoài (>30 ngày) phục vụ xuất khẩu; quy trình kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Trèn bầu;

+ Xây dựng mô hình: mô hình vườn ươm cây dược liệu diện tích 10.000 m² với trên 30 cây thuốc được sưu tầm nhằm bảo tồn các cây dược liệu có giá trị về y học tiêu biểu của Núi Cẩm kết hợp với phát triển du lịch; mô hình xen canh lúa-cá-CAT cho lợi nhuận và



Hội đồng xét duyệt đề cương nghiên cứu khoa học cấp tỉnh

thu nhập tăng lên lần lượt là 47% và 44% so với canh tác truyền thống, trong khi mô hình luân canh lúa-cá là 37% và 26,7% so với độc canh lúa; mô hình môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh, hiệu quả và sáng tạo trong trường THPT, thí điểm tại Trường THPT Nguyễn Hiền; mô hình TELEMAR 3D dự báo di chuyển hồ xói khu vực sông Vàm Nao qua đó phục vụ ứng phó với sạt lở và quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; mô hình nông nghiệp đô thị thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị một cách có hiệu quả, sinh thái bền vững, gia tăng thu nhập cho nông hộ trong đô thị và các phường ven đô.

- Hoạt động KH&CN cấp huyện cũng được quan tâm tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể: đã tổ chức tổng kết hoạt động KH&CN huyện, thị giai đoạn năm 2016 - 2020 và định hướng hoạt động giai đoạn 2021 - 2025; Sở KH&CN đã ký kế hoạch hợp tác với 11 huyện, thị, thành để tăng cường nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giai đoạn 2021 - 2025.

- Hoạt động cấp phép trên các lĩnh vực KH&CN thực hiện đảm bảo theo quy trình, thủ tục quy định và cũng được các tổ chức quan tâm hơn trong việc đăng ký hoạt động

KH&CN, đặc biệt là đối tượng doanh nghiệp, cụ thể: cấp 03 giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN; 04 giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh cho các tổ chức; 18 giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; 17 giấy phép tiến hành công việc bức xạ; 09 chứng chỉ nhân viên bức xạ; ban hành 03 Quyết định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố an toàn bức xạ và 02 Quyết định trao quyền sử dụng NHCN An Giang cho 02 doanh nghiệp; tổ chức khóa tập huấn, đào tạo Khởi nghiệp ĐMST tác động xã hội tại cơ quan từ ngày 06 đến ngày 11/9/2021 và tham gia tham Khóa đào tạo cố vấn Khởi nghiệp ĐMST tác động xã hội do Tạp Chí điển đàn doanh nghiệp tổ chức.

- Phối hợp với các Chi cục Thuế khu vực dán 49 tem cho 16 công tơ tổng của 9 cơ sở kinh doanh xăng dầu; phối hợp Siêu thị Tứ Sơn tổ chức 01 lớp tập huấn các quy định về nhãn hàng hóa, mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc với 100 đại biểu tham gia là Lãnh đạo và nhân viên của siêu thị; phối hợp đơn vị tư vấn hỗ trợ 05 cơ quan xây dựng, công bố và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; tiếp nhận 42 giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh; 02 giấy đề nghị sửa chữa cột đo xăng dầu của Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang (Petrolimex) - Cửa hàng số 29; triển khai thực hiện 02 cuộc khảo sát: 01 cuộc khảo sát chất lượng xăng, dầu nhớt động cơ đốt trong lưu thông trên thị trường đối với 27 tổ chức trên địa bàn tỉnh và 01 cuộc khảo sát chất lượng và nhãn hàng hóa đối với mặt hàng trà và cà phê lưu thông trên thị trường năm 2021 trên địa tỉnh. Thực hiện 01 cuộc thanh tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và việc sử dụng



Khảo sát chất lượng xăng, dầu nhớt động cơ đốt trong lưu thông

phương tiện đo nhóm 2 trong lĩnh vực y tế và 01 cuộc thành tra về chất lượng và nhãn hàng hóa trong kinh doanh xăng, dầu.

Trong 03 tháng cuối năm 2021 sẽ tập trung rà soát tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở KH&CN và các cơ quan, đơn vị trực thuộc; triển khai tổ chức hội đồng khoa học bằng hình thức trực tuyến; đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp ĐMST, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực KH&CN, đặt biệt là trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử của Sở KH&CN, website TBT-AGi, Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang... giúp các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh nắm được những thông tin về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về KH&CN, các kết quả nghiên cứu KH&CN.../.

NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH:**NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI NGÀNH CÔNG NGHIỆP TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2025 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

Nguyễn Ngọc Mộng Kha

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Đề tài nghiên cứu KH&CN cấp tỉnh “Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp cơ cấu lại ngành công nghiệp tỉnh An Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030” được UBND tỉnh An Giang phê duyệt tại Quyết định số 2984/QĐ-UBND ngày 13/12/2019. Theo đó, Trung tâm Nghiên cứu kinh tế miền Nam và ThS. Trương Thanh Vũ chủ trì thực hiện.

Mục tiêu nghiên cứu nhằm đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp cơ cấu lại ngành công nghiệp tỉnh An Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 góp phần đạt mục tiêu chiến lược đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X về đổi mới, cơ cấu lại ngành công nghiệp tỉnh.

Sau 18 tháng thực hiện (12/2019 - 06/2021), kết quả đề tài vừa được Hội đồng KH&CN cấp tỉnh tư vấn đánh giá nghiệm thu với một số kết quả nổi bật như sau:

1. Tổng quan các nghiên cứu về tái cơ cấu ngành công nghiệp trong chiến lược phát triển kinh tế của quốc gia, vùng lãnh thổ, cụ thể: vai trò của công nghiệp trong tăng trưởng kinh tế quốc gia; các yếu tố làm thay đổi cấu trúc công nghiệp quốc gia; nghiên cứu xu hướng chuyển đổi cấu trúc công nghiệp của UNIDO; nghiên cứu vai trò của “cụm ngành công nghiệp” trong chính sách cơ cấu lại ngành công nghiệp của các nước, vùng lãnh thổ; nghiên cứu mô hình chuyển đổi công nghiệp trong chiến lược công nghiệp hóa của các nước Đông Á; thực tiễn phát triển công nghiệp và quá trình chuyển đổi cơ cấu công nghiệp, cơ cấu lại ngành công nghiệp của Việt Nam.

2. Xác định cơ sở lý thuyết, khung phân tích tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh An Giang, gồm có quan điểm về tái cấu trúc công nghiệp; lý thuyết về cụm ngành; lý thuyết về chuỗi giá trị toàn cầu và khung phân tích; khung xác định ngành công nghiệp ưu tiên.

3. Đánh giá thực trạng chuyển đổi cơ cấu công nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2010 - 2020. Theo đó, đã tổng quan được khu vực công nghiệp tỉnh; đánh giá cơ cấu và chuyển đổi cơ cấu các ngành công nghiệp (cơ cấu và thay đổi giá trị gia tăng; cơ cấu và thay đổi theo lao động việc làm; cơ cấu và thay đổi doanh thu thuần; cơ cấu và thay đổi theo vốn sản xuất kinh doanh; cơ cấu và thay đổi theo nhóm ngành ABCD); đánh giá năng lực cạnh tranh của khu vực công nghiệp (cụm ngành công nghiệp chế biến thủy sản; cụm ngành xây xát, chế biến các sản phẩm từ gạo; cụm ngành công nghiệp chế biến rau quả; cụm ngành công nghiệp chế biến thịt, các sản phẩm từ thịt, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; cụm ngành dệt may, da giày); đánh giá năng lực cạnh tranh các cụm ngành công nghiệp tiêu biểu của tỉnh.

4. Định hướng cơ cấu lại ngành công nghiệp tỉnh An Giang.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá khả năng huy động, khai thác các tiềm năng, lợi thế và dự báo các yếu tố/bối cảnh tác động, và đặc biệt là kỳ vọng phát triển của tỉnh, An Giang có thể đưa ra tầm nhìn phát triển kinh tế đến năm 2045 như sau: đến năm 2030, An Giang trở thành trung tâm sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, trung tâm nghiên cứu

và phát triển giống thủy sản, trung tâm chế biến lương thực - thực phẩm, trung tâm du lịch văn hóa, tâm linh - sinh thái của khu vực ĐBSCL. Đến năm 2045, An Giang trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp công nghệ cao, theo hướng nông nghiệp xanh, trung tâm công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm (đặc biệt là chế biến tinh) của cả nước, là đích đến cho các nhà đầu tư nông nghiệp, chế biến thực phẩm lớn trên thế giới. Đến năm 2045, An Giang trở thành trung tâm kinh tế - thương mại biên mậu - du lịch biên giới đường bộ, đường sông của khu vực phía Nam với thị trường Campuchia, các nước Thái Lan - Lào - Myanmar (khu vực phía Nam); là nơi có nhiều loại hình du lịch độc đáo, đặc biệt là mô hình du lịch biên giới đường sông, du lịch sinh thái kết hợp tâm linh và các giá trị văn hóa lịch sử.

Trên cơ sở đó, đề tài xác định mục tiêu cơ cấu lại ngành công nghiệp tỉnh An Giang, cụ thể là phân đầu đến năm 2030 các ngành công nghiệp chủ lực, công nghiệp ưu tiên của tỉnh An Giang phát triển đạt mức trung bình khá trong nước và thuộc nhóm các tỉnh dẫn đầu khu vực ĐBSCL, trong đó đưa ngành công nghiệp chế biến thực phẩm trở thành ngành công nghiệp có sức cạnh tranh mạnh trong khu vực ĐBSCL, từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực, trong nước và chuỗi giá trị toàn cầu. Phân đầu đến năm 2045 đa dạng hóa danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, xây dựng vững chắc nền tảng công nghiệp phụ trợ/hỗ trợ, cơ bản đáp ứng nhu cầu chuyển đổi công nghiệp; khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo đạt mức khá trong nước, trong đó, An Giang là trung tâm phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm tinh của cả nước với các tiêu chí cụ thể như sau: tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt 20% (2025) và 25-30% (2030); trong đó tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt 25% (2030); tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt tối thiểu 20% (2030); giá trị xuất khẩu hàng công

nghiệp đạt 1.450 triệu USD (2025) và 1.850 triệu USD (2030); tốc độ tăng trưởng GRDP ngành công nghiệp đạt bình quân 10,5%/năm, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt bình quân 10%/năm; trong đó, giai đoạn 2021 - 2025 tăng bình quân 8,5%/năm; tốc độ tăng năng suất lao động công nghiệp đạt bình quân 9,5%/năm giai đoạn 2021 - 2030; xây dựng được một số cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên ngành chế biến thực phẩm tiêu biểu có quy mô vừa đến lớn, mang tầm khu vực - tầm quốc gia, có năng lực cạnh tranh quốc tế. Định hướng đến năm 2045 tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp trong GRDP lên khoảng 40%; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt 35%; tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt tối thiểu 50%; trong mỗi ngành/phân ngành sản xuất công nghiệp ưu tiên đều có những doanh nghiệp lớn (doanh nghiệp mỏ neo) dẫn dắt hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, xây dựng hoàn chỉnh các cụm liên kết ngành công nghiệp ở tất cả các ngành công nghiệp ưu tiên tại tỉnh.

Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng định hướng cơ cấu lại ngành công nghiệp tỉnh, cụ thể:

Ngành chế biến, bảo quản thủy sản: trong giai đoạn tới, các doanh nghiệp chế biến cần “chuyển hướng” nhanh sang giai đoạn cao hơn và cũng không nhất thiết phải chuyển hướng theo tuần tự, nghĩa là, có thể kết hợp giữa việc nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm xuất khẩu có hàm lượng chế biến sâu với việc thu tóm các thương hiệu có uy tín để thâm nhập sâu vào chuỗi phân phối toàn cầu, để giúp duy trì và phát triển vị thế dài hạn. Và đây là yêu cầu “tái cấu trúc” của ngành trong những năm sắp tới, để chiếm lĩnh các phân khúc thị trường xuất khẩu mới, cũng như mở rộng tiêu thụ trong nước, vực dậy hoạt động sản xuất đang đình trệ và thúc đẩy tăng trưởng trong dài hạn. Trong chiến lược “chuyển đổi”, ưu tiên hàng đầu là chuyển đổi cơ cấu sản phẩm, sáng tạo ra nhiều sản phẩm giá trị gia tăng khác ngoài sản phẩm phile

đông lạnh, và thay đổi theo hướng tinh chế. Hiện sản phẩm xuất khẩu chủ yếu dưới dạng phi lê thô chứ chưa được gia tăng giá trị bằng cách chế biến tinh, các phần khác của con cá như đầu, da, mỡ, xương... hầu như chưa khai thác được nhiều, chỉ dùng lại ở dùng làm thức ăn gia súc. Để đưa ra thị trường sản phẩm chế biến tinh/sâu, có chất lượng, thì điều kiện cần là nguyên liệu tốt và điều kiện đủ là công nghệ hiện đại. Để khép kín chuỗi giá trị sản phẩm, nhiều doanh nghiệp không chỉ đầu tư tạo vùng nguyên liệu sạch, mà còn xây dựng các nhà máy quy mô, hiện đại, điều này đòi hỏi sự đầu tư không hề nhỏ, kể cả tài chính và tâm huyết của doanh nghiệp. Thế nhưng, khó khăn đối với các doanh nghiệp tại tỉnh (qua khảo sát) là vấn đề chi phí đầu tư công nghệ khá cao, khiến giá thành không cạnh tranh bằng nhiều sản phẩm sơ chế.

Ngành chế biến gạo, các sản phẩm từ gạo: hiện toàn tỉnh có khoảng 140 doanh nghiệp xay xát, chế biến gạo, nhưng không có doanh nghiệp có thể “đa dạng hóa sản phẩm thực phẩm chế biến tinh từ hạt gạo”. Định hướng chiến lược sắp tới là phải chuyển đổi, cơ cấu lại sản phẩm của ngành hàng, bao hàm những chuyển đổi bên trong các hoạt động công nghiệp, công nghệ chế biến để đa dạng hóa sản phẩm thực phẩm tinh từ hạt gạo, các sản phẩm chế biến có hàm lượng dinh dưỡng cao. Để nâng cao giá trị cho hạt gạo, bên cạnh các sản phẩm truyền thống như bún, miến, bánh phở... còn có thể tạo ra sữa gạo lứt, tinh dầu, cám gạo sử dụng trong chăm sóc sức khỏe. Hoặc tách chiết protein để chiết xuất nguyên liệu cho chế biến thực phẩm...

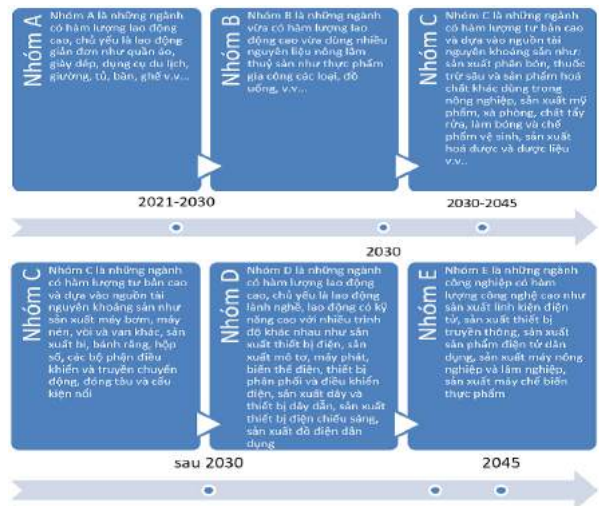
Ngành chế biến và bảo quản rau quả: định hướng phát triển giai đoạn 2021 - 2030: đầu tư nâng cao năng lực chế biến rau quả, tăng tỷ lệ chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm từ nguyên liệu rau quả và từ phế phụ phẩm sau chế biến. Đảm bảo tại những khu vực sản xuất rau quả tập trung, hợp tác xã sản xuất và tại các cơ sở, đại lý thu gom lớn được đầu tư máy, trang thiết bị, xưởng sơ chế, đóng gói,

kho mát với quy mô phù hợp để hình thành hệ thống các cơ sở sơ chế, đóng gói đồng bộ. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư trung tâm chiếu xạ thực phẩm đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế gắn với các vùng sản xuất rau quả tập trung, quy mô lớn.

Ngành dệt may, da giày: giai đoạn 2021 - 2030, cần phát triển cụm ngành theo hướng nâng cấp công nghiệp, tức là nâng cấp chuỗi giá trị và hoàn thiện cụm ngành. Điều này là sống còn, bởi lẽ, đa số các doanh nghiệp trong ngành đều tập trung vào hoạt động gia công - khâu đem lại giá trị thấp nhất trong chuỗi giá trị - vì vậy nâng cấp chuỗi giá trị hiển nhiên là một điều kiện tiên đề để phát triển cụm ngành. Giai đoạn sau 2030, tiếp tục nâng cấp chuỗi giá trị và hoàn thiện cụm ngành, đồng thời lấy giá trị gia tăng làm mục tiêu, là thước đo cho sự phát triển của ngành. Khi giá trị gia tăng được xác định là cốt lõi/xuyên suốt thì chúng ta không gặp phải những vấn đề trong dài hạn do việc chạy theo hoạt động gia công vốn dễ dàng trong ngắn hạn nhưng lại không bền vững và để lại nhiều hệ lụy trong dài hạn. Tỉnh cần tạo điều kiện tối đa cho khu vực tư nhân phát triển, tận dụng tối đa cơ hội và nguồn lực cả trong và ngoài nước để nâng cấp chuỗi giá trị và hoàn thiện cụm ngành. Cơ hội/tiềm năng nâng cấp và chuyển đổi lên các phân cấp giá trị cao ở 2 cụm ngành này luôn hiện hữu. Song việc biến tiềm năng thành hiện thực đòi hỏi sự chuẩn bị tốt, mà quan trọng nhất là những chuyển đổi căn bản/kip thời liên quan đến tái cơ cấu từ phía doanh nghiệp. Thu hút các doanh nghiệp FDI cũng là một cơ hội để rút ngắn việc hoàn thiện cụm ngành nếu tỉnh có những chính sách đúng đắn. Chẳng hạn, việc thu hút các doanh nghiệp lớn trong các khâu sản xuất nguyên phụ liệu để khắc phục một điểm yếu mãn tính của cụm ngành là thiếu nguyên phụ liệu.

Định hướng cơ cấu lại theo nhóm ngành ABCDE: Nhóm A: đó là các ngành là những ngành thâm dụng lao động, chủ yếu là lao động giản đơn. Những ngành nhóm A tại

tỉnh đang phát triển khá nhanh như: ngành may mặc, da giày, đồ gia dụng, dụng cụ/đồ dùng cá nhân, gia đình... nhưng đang ở phân khúc thấp trong chuỗi giá trị, mang lại giá trị gia tăng thấp. Tỷ trọng nhóm A sẽ tăng lên 12% (2030), sau đó giảm dần còn khoảng 9% (2045) tổng doanh thu toàn khu vực công nghiệp. Định hướng chuyển đổi, tái cấu trúc của nhóm sản phẩm may mặc, da giày đã thể hiện ở phần trên. Định hướng chuyển đổi, tái cấu trúc của nhóm còn lại: hiện các doanh nghiệp sản xuất đồ gia dụng, dụng cụ/đồ dùng cá nhân, gia đình đều có quy mô nguồn vốn nhỏ, trình độ công nghệ trung bình thấp, sản phẩm chủ yếu tiêu thụ trong tỉnh và một số tỉnh lân cận trong Vùng. Đây là nhóm ngành có tiềm năng nhưng để phát triển dài hạn cần phải nâng cao năng lực cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm, đổi mới để đáp ứng nhu cầu của thị trường, mà ở đó yếu tố đổi mới công nghệ tại doanh nghiệp là quyết định. Giai đoạn 10 năm tới, hướng thị trường chủ yếu là nội vùng, và mở rộng ra các khu vực nông thôn trong cả nước hoặc có thể xuất khẩu sang Campuchia. Nhóm B: tại tỉnh đó là những ngành sản xuất, chế biến thực phẩm. Định hướng chuyển đổi, tái cấu trúc của các ngành nhóm B đã thể hiện ở phần trên. Tỷ trọng nhóm B giảm còn 78% (2030), và 74% (2045) tổng doanh thu toàn khu vực công nghiệp. Nhóm C: tại tỉnh các ngành nhóm C (ngành có hàm lượng tư bản cao và dựa vào nguồn tài nguyên khoáng sản) như: sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp, sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh, sản xuất hoá dược và dược liệu... Đây là những ngành có tiềm năng về thị trường để phát triển tại tỉnh. Phân đầu tỷ trọng nhóm C chiếm 6% (2030), và 9% (2045) tổng doanh thu toàn khu vực công nghiệp. Nhóm D: là những ngành có hàm lượng lao động cao, chủ yếu là lao động lành nghề, lao động có kỹ năng cao với nhiều trình độ khác nhau, tại tỉnh những ngành có tiềm năng lớn để phát triển trong giai đoạn



Định hướng cơ cấu lại theo nhóm ngành ABCDE

tới là: ngành sản xuất thiết bị điện, sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện, sản xuất dây và thiết bị dây dẫn, sản xuất thiết bị điện chiếu sáng, sản xuất đồ điện dân dụng. Phân đầu tỷ trọng nhóm D chiếm 3% (2030) và 5% (2045) tổng doanh thu toàn khu vực công nghiệp. Nhóm E: là những ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, tại tỉnh những ngành có tiềm năng lớn để phát triển là: ngành sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất thiết bị truyền thông, sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng, sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp, sản xuất máy chế biến thực phẩm. Phân đầu tỷ trọng nhóm E chiếm 1% (2030), và 3% (2045) tổng doanh thu toàn khu vực công nghiệp. Nếu các doanh nghiệp tại tỉnh nỗ lực tích lũy tư bản, công nghệ và được thúc đẩy bằng đầu tư trực tiếp nước ngoài và các hình thái chuyển giao công nghệ khác từ các địa phương đi trước (TP.HCM, Bình Dương, Đồng Nai...), thì quá trình chuyển đổi cấu trúc công nghiệp sẽ diễn ra.

5. Đề xuất giải pháp cơ cấu lại ngành công nghiệp tỉnh An giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, bao gồm nhóm giải pháp cấp độ vĩ mô, ở cấp độ ngành như hỗ trợ tái cấu trúc ngành, xây dựng các cụm liên kết ngành công nghiệp tiêu biểu tại tỉnh,

(xem tiếp trang 43)

NGHIÊN CỨU QUY TRÌNH NHÂN GIỐNG LAN ỚNG ĐIỀU (*Myrmecophila tibicinis*) BẰNG PHƯƠNG PHÁP NUÔI CÂY MÔ

Lê Phan Đình Quý, Nguyễn Hoài Vững, Nguyễn Phạm Tuấn, Nguyễn Ngọc Giàu

Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang

1. Giới thiệu

Hiện nay, các loài thực vật có nguồn gốc từ rừng tự nhiên như lan rừng đang có nguy cơ mất dần, do nhu cầu khai thác triệt để dẫn đến sự cạn kiệt. Vì vậy, cần có công tác thu thập và bảo tồn các giống gen quý hiếm, có giá trị kinh tế cao. Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen là bảo vệ tài nguyên di truyền nhằm cung cấp nguồn nguyên liệu khởi thủy phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, cải tạo giống, đảm bảo duy trì được sự đa dạng sinh học và những tiền đề cần thiết về tài nguyên sinh học cho sự phát triển bền vững nền nông nghiệp hiện tại cũng như trong tương lai. Tuy nhiên, bên cạnh bảo tồn nguồn gen phải luôn gắn với khai thác mới đạt được mục tiêu chung của bảo tồn. Nếu nguồn gen chỉ được thực hiện giới hạn trong phạm vi bảo tồn thì mới đáp ứng được một phần nhỏ về lưu giữ nguồn gen, trong nhiều trường hợp nếu chỉ lưu giữ nguồn gen thì sẽ trở thành vô nghĩa. Bởi vậy, việc đẩy mạnh khai thác nguồn gen sẽ góp phần thực hiện có ý nghĩa và hiệu quả công tác bảo tồn. Có nhiều hình thức lưu trữ, bảo tồn khác nhau như: lưu giữ chuyên chỗ (ex-situ), lưu giữ in vitro, lưu giữ tại chỗ (in situ)... Trong đó, lưu giữ in vitro là phương pháp cho thấy sự hiệu quả cao vừa đáp ứng được công tác bảo tồn, lưu trữ vừa dễ dàng trong khai thác nguồn gen, với phương pháp in vitro có ý nghĩa rất lớn phát triển các loại lan ớng điều đây là loại lan rừng cổ rất xưa, và đặc trưng của Núi Cấm, vùng Bảy Núi...

Hiện nay, có rất ít nghiên cứu về quy trình nghiên cứu nhân giống lan ớng điều bằng phương pháp nuôi cấy mô. Từ đó, nghiên cứu “Nghiên cứu quy trình nhân giống lan ớng điều (*Myrmecophila tibicinis*) bằng phương pháp nuôi cấy mô” được thực hiện.

2. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1 Nguyên vật liệu

Lan ớng điều (*Myrmecophila tibicinis*) được lưu giữ tại Trung tâm CNSH tỉnh An Giang.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Nghiên cứu thời gian, tỉ lệ Javen thích hợp cho giai đoạn vô mẫu lan ớng điều

* Mục tiêu: xác định thời gian và chất khử trùng thích hợp cho vô mẫu quả thể lan ớng điều.

* Tiến hành: Cho dung dịch Javen:nước tỷ lệ 1:3 khử trùng vào bình mẫu, ngâm mẫu trong khoảng thời gian (5 phút, 7 phút, 10 phút, 12 phút), thỉnh thoảng lắc bình mẫu, sau đó đổ bỏ dung dịch khử trùng và rửa lại với nước vô trùng 3 lần. Cấy hạt lan ớng điều vào môi trường MS. Theo dõi tỷ lệ mẫu sống sạch sau 7 ngày.

2.2.2. Nghiên cứu ảnh hưởng của nồng độ chất điều hòa sinh trưởng lên sự nhân chồi đối với lan ớng điều

* Mục tiêu: xác định nồng độ chất điều hòa sinh trưởng lên sự nhân chồi lan ớng điều

* Tiến hành: Các chồi nhân từ nội dung 2.2.1 sinh trưởng và phát triển bình thường

được cấy chuyển sang môi trường có thành phần MS + 20 g/l đường + 9 g/l agar và bổ sung BA với các nồng độ 0; 1,0; 1,5; 2,0; 2,5mg/L. Gồm 5 nghiệm thức (1 đối chứng và 4 nghiệm thức bổ sung) với 3 lần lặp lại. Số mẫu thực hiện là 3 mẫu/nghiệm thức và tổng số mẫu ở thí nghiệm này là 45 mẫu. Theo dõi số chồi và chiều cao chồi sau 6 tuần nuôi cấy.

2.2.3. Nghiên cứu ảnh hưởng của nồng độ chất điều hòa sinh trưởng lên sự ra rễ đối với lan ống điếu

* Mục tiêu: xác định nồng độ chất điều hòa sinh trưởng lên sự ra rễ lan ống điếu.

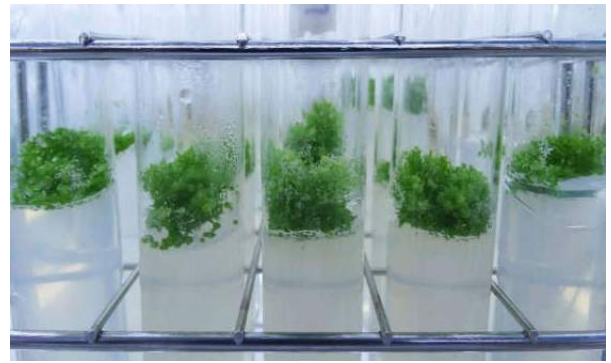
* Tiến hành: Các chồi nhân từ nội dung 2.2.2 sinh trưởng và phát triển bình thường được cấy chuyển sang môi trường có thành phần MS + 20 g/l đường + 9 g/l agar và bổ sung IBA với nồng độ 0,5; 1,0; 1,5; 2,0 mg/L. Gồm 4 nghiệm thức với 3 lần lặp lại. Số mẫu thực hiện là 3 mẫu/nghiệm thức và tổng số mẫu ở thí nghiệm này là 36 mẫu. Theo dõi số rễ và chiều dài rễ sau 6 tuần nuôi cấy.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Nghiên cứu thời gian, tỉ lệ Javen thích hợp cho giai đoạn vô mẫu lan ống điếu

Theo Bảng 1, cho thấy thời gian khử trùng ảnh hưởng đến tỷ lệ thành công của vô mẫu trái lan ống điếu.

Khi tăng thời gian khử trùng giúp tỷ lệ sống tăng, mẫu nhiễm ít. Nghiệm thức 1 thời gian khử trùng 5 phút, tỷ lệ sống là 44,44% thấp nhất so với các nghiệm thức còn lại. Tăng thời gian lên 7 phút ở nghiệm thức 2, tỷ lệ sống tăng lên là 61,13%. Nghiệm thức 3 tăng thời gian khử trùng là 10 phút giúp tỷ lệ sống cao nhất 94,44% và khác biệt có ý nghĩa so với các nghiệm thức còn lại. Khi tăng thời gian khử trùng ở nghiệm thức 4 là 12 phút, làm tỷ lệ nhiễm giảm còn 72,22%, do thời gian kéo dài mô tế bào dễ bị tổn hại bởi sự oxy hóa của chất khử trùng.



Hình 1. Chồi non lan Ống điếu

Bảng 1. Ảnh hưởng thời gian đến khả năng vô mẫu trái lan Ống điếu

| Nghiệm thức | Thời gian khử trùng (phút) | Tỷ lệ nảy mầm (%) |
|-------------|----------------------------|---------------------|
| 1 | 5 | 44,44 ^c |
| 2 | 7 | 61,13 ^{bc} |
| 3 | 10 | 94,44 ^a |
| 4 | 12 | 72,22 ^b |

Ghi chú: Các chữ cái theo sau trong cùng một cột giống nhau thì khác biệt không có ý nghĩa về mặt thống kê ở mức 5%.

Do vậy, nghiệm thức 3 với nồng độ Javen 25% và thời gian khử trùng 10 phút thích hợp cho vô mẫu trái lan ống điếu.

3.2. Nghiên cứu ảnh hưởng của nồng độ chất điều hòa sinh trưởng lên sự nhân chồi đối với lan ống điếu

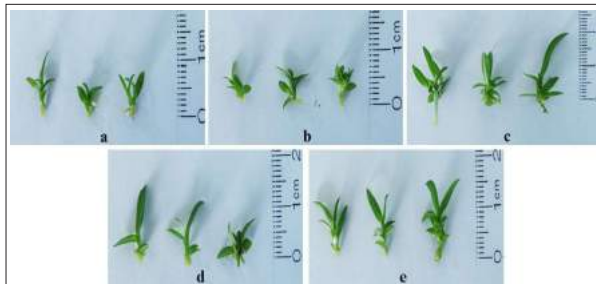
Theo Bảng 2, nồng độ BA khác nhau cho hiệu quả nhân chồi khác nhau.

Nghiệm thức 1 chỉ có không bổ sung BA có số chồi nhân là 1,25 chồi/cây và thấp hơn các nghiệm thức còn, chiều cao chồi là 0,45 cm. Tăng nồng độ BA làm tăng số chồi của cây, nghiệm thức 2 có 1,0 mg/L BA số chồi tăng lên là 2 chồi/cây, chiều cao chồi là 0,42 cm. Nghiệm thức 3 có số chồi là 2,58 chồi/cây, có chiều cao là 0,68 cm và cao hơn các nghiệm thức còn lại, khác biệt có ý nghĩa thống kê 5%. Khi tăng nồng độ BA cao, sẽ làm ức chế sự phát triển của chồi, như ở nghiệm thức 4 có nồng độ BA là 2,0 mg/L số chồi giảm còn

2,25 chồi/cây và chiều cao chồi là 0,49 cm. Nghiệm thức 5 có nồng độ BA là 2,5 mg/L số chồi giảm còn 1,92 chồi/cây và chiều cao chồi là 0,33 cm.

Do vậy, nghiệm thức 3 có bổ sung 1,5 mg/L BA là thích hợp cho nhân chồi lan ống điều.

3.3. Nghiên cứu ảnh hưởng của nồng độ chất điều hòa sinh trưởng lên sự ra rễ đối với lan ống điều



Hình 2. Ảnh hưởng nồng độ BA đến sự nhân chồi lan Ống điều điều kiện thông thường
a) 0 mg/L BA; b) 1,0 mg/L BA; c) 1,5 mg/L BA; d) 2,0 mg/L BA; e) 2,5 mg/L BA

Bảng 2. Ảnh hưởng nồng độ BA đến sự nhân chồi lan Ống điều điều kiện thông thường

| Nghiệm thức | Nồng độ BA | Số chồi | Chiều cao |
|-------------|------------|--------------------|--------------------|
| 1 | 0 | 1,25 ^c | 0,45 ^{bc} |
| 2 | 1,0 | 2,00 ^b | 0,42 ^{bc} |
| 3 | 1,5 | 2,58 ^a | 0,68 ^a |
| 4 | 2,0 | 2,25 ^{ab} | 0,49 ^b |
| 5 | 2,5 | 1,92 ^b | 0,33 ^c |

Ghi chú: Các chữ cái theo sau trong cùng một cột giống nhau thì khác biệt không có ý nghĩa về mặt thống kê ở mức 5%.

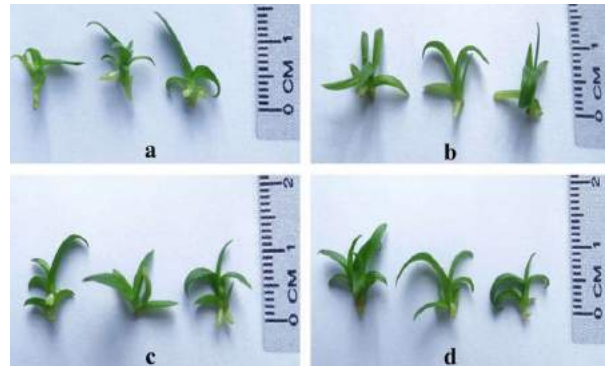
Theo Bảng 3 ta thấy, nồng độ IBA khác nhau kích thích sự ra rễ khác nhau.

Nghiệm thức 1 nồng độ IBA là 0,5 mg/L có số rễ là 1,56 rễ/cây, thấp nhất so với các nghiệm thức còn lại và chiều dài ngắn là 0,27 cm, khác biệt có ý nghĩa thống kê 5%. Khi tăng nồng độ IBA giúp tăng sự hình thành rễ, nghiệm thức 2 nồng độ IBA là 1,0 mg/L có số rễ là 2,56 rễ/cây, cao nhất so với các nghiệm thức còn lại và chiều dài rễ là 0,41 cm, khác biệt có ý nghĩa thống kê 5%. Khi tăng nồng độ IBA làm giảm sự ra rễ của lan ống điều, nghiệm thức 2 và 3 nồng độ IBA là 1,5 mg/L

Bảng 3. Ảnh hưởng nồng độ IBA đến sự ra rễ lan Ống điều

| Nghiệm thức | Nồng độ BA | Số chồi | Chiều cao |
|-------------|------------|--------------------|--------------------|
| 1 | 0 | 1,25 ^c | 0,45 ^{bc} |
| 2 | 1,0 | 2,00 ^b | 0,42 ^{bc} |
| 3 | 1,5 | 2,58 ^a | 0,68 ^a |
| 4 | 2,0 | 2,25 ^{ab} | 0,49 ^b |
| 5 | 2,5 | 1,92 ^b | 0,33 ^c |

Ghi chú: Các chữ cái theo sau trong cùng một cột giống nhau thì khác biệt không có ý nghĩa về mặt thống kê ở mức 5%.



Hình 3. Ảnh hưởng nồng độ IBA đến sự ra rễ lan Ống điều; a) 0,5 mg/L IBA; b) 1,0 mg/L NAA; c) 1,5 mg/L NAA; d) 2,0 mg/L NAA

và 2,0 mg/L có số rễ lần lượt là 2,0; 2,11 rễ/cây và chiều dài rễ lần lượt là 0,43; 0,29 cm.

Do đó, nghiệm thức 2 có bổ sung 1,0 mg/L IBA là thích hợp cho sự ra rễ lan ống điều.

4. Kết luận

- Nồng độ Javen 25% với thời gian 10 phút là thích hợp cho việc vô mẫu trái lan ống điều, tỷ lệ nảy mầm là 94,44% sau 7 ngày nuôi cấy.

- Môi trường thích hợp cho nhân chồi lan ống điều là MS có bổ sung 1,5 mg/L BA với số chồi đạt được là 2,58 chồi/cây và chiều cao chồi là 0,68 cm.

- Môi trường thích hợp cho tạo rễ lan ống điều là MS có bổ sung 1,0 mg/L IBA với số rễ là 2,56 rễ/cây và chiều dài rễ là 0,41 cm.

5. Lời cảm ơn

Xin chân thành cảm ơn các thành viên của Trung tâm CNSH tỉnh An Giang và Sở KH&CN An Giang đã tạo điều kiện và hỗ trợ để thực hiện nghiên cứu này./.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN SẢN XUẤT RAU THỦY CANH VIETGAP TẠI THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

Nguyễn Trương Khương

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Thủy canh (*hydroponic*) là kỹ thuật trồng cây trong dung dịch dinh dưỡng, có hoặc không có sử dụng môi trường nhân tạo để nâng đỡ cây (*Dickson, 2004*), đã được áp dụng rộng rãi ở các nước tiên tiến, ở Việt Nam đã bắt đầu nghiên cứu trong những năm gần đây. Căn cứ vào đặc điểm dung dịch dinh dưỡng có thể chia hệ thống thủy canh làm 2 loại:

- Hệ thống thủy canh tĩnh: dung dịch dinh dưỡng không chuyển động trong quá trình trồng cây. Rễ cây được nhúng một phần hay hoàn toàn trong dung dịch dinh dưỡng. Hệ thống này có ưu điểm là chi phí đầu tư thấp vì không cần hệ thống làm chuyển động dung dịch nhưng hạn chế là thường thiếu oxy và pH thường giảm gây ngộ độc cho cây.

- Hệ thống thủy canh động (thủy canh tuần hoàn): dung dịch có chuyển động trong quá trình trồng cây. Hệ thống này chi phí cao hơn nhưng rễ cây không bị thiếu oxy. Các hệ thống thủy canh được hoạt động trên nguyên lý thủy triều, sục khí và tưới nhỏ giọt. Hệ thống động lại được chia làm 2 loại:

+ Hệ thống thủy canh mở: dung dịch dinh dưỡng không có sự tuần hoàn trở lại, gây lãng phí.

+ Hệ thống thủy canh kín: dung dịch dinh dưỡng có sự tuần hoàn trở lại nhờ hệ thống bơm hút dung dịch dinh dưỡng từ bể chứa.

Trong những năm gần đây, với việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, trồng rau bằng phương pháp thủy canh đã trở nên phổ biến nhằm giải quyết vấn nạn về rau không an toàn, ứng phó với tình hình biến

đổi khí hậu và gia tăng dân số. Có hai yếu tố hạn chế chính và cản trở nhất của sản xuất rau hiện nay là giải quyết đủ rau trái vụ và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Vào chính vụ, giá rau thường rẻ, thu nhập của người sản xuất rau giảm sút, có doanh nghiệp bị thua lỗ và phá sản, do đó chưa thúc đẩy được mạng lưới sản xuất rau an toàn. Vào lúc trái vụ, lượng rau không đủ, người trồng phải tưới nhiều phân bón hóa học, hóa chất bảo vệ thực vật và các chất điều hòa sinh trưởng nên giá cao và thường chất lượng rau chưa đảm bảo chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.

Tại An Giang, đã có một số mô hình hiệu quả trồng rau bằng phương pháp thủy canh như: ⁽¹⁾Mô hình trồng rau thủy canh đạt VietGAP của anh Nguyễn Văn Thanh tại xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, năng suất rau xà lách 3 tấn/vụ/1.000m², thực hiện khoảng 12 - 14 vụ/năm; ⁽²⁾Mô hình trồng rau xà lách thủy canh đạt chứng nhận rau an toàn tại huyện Thoại Sơn, đạt năng suất 1,3 - 2 tấn/vụ/1.000m², thực hiện 11 vụ/năm, đạt lãi ròng trên 30%/năm. Riêng tại thành phố Long Xuyên, mô hình rau thủy canh hiện chưa phổ biến, chủ yếu sản xuất hộ gia đình, qui mô nhỏ, chỉ có hộ sản xuất rau an toàn “Thanh Mai”, qui mô khoảng 500m², với giá bán sỉ cho các sạp rau quả khoảng 20.000 - 25.000 đồng/kg, mỗi ngày thu hoạch 15 - 20kg, thu nhập khoảng 9 - 15 triệu đồng/tháng/500m² rau thủy canh. Sản phẩm chỉ đủ cung cấp một số hộ dân trong khu vực và một số khách hàng thân thiết thành phố Long Xuyên.

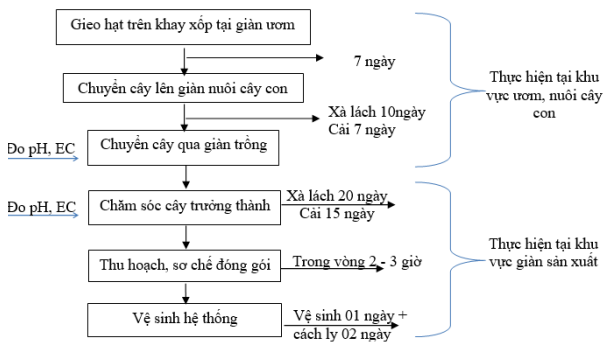
Từ những lý do trên, Sở KH&CN đã hỗ trợ thực hiện dự án “Sản xuất rau thủy canh

VietGAP tại thành phố Long Xuyên” nhằm góp phần cung cấp nông sản thực phẩm an toàn, đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng dân cư trong thành phố và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Dự án còn là điểm nhấn của thành phố Long Xuyên trong ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp.

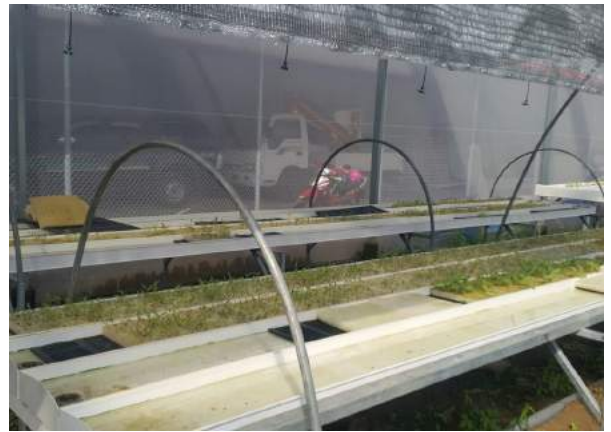
*** Kết quả thực hiện mô hình trồng rau bằng phương pháp thủy canh:**

- Mô hình trồng rau bằng phương pháp thủy canh trong dự án được thực hiện tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên. Loại nhà màng một mái hở thông gió cố định được lựa chọn xây dựng trong mô hình của dự án, nhà màng được xây dựng trên diện tích 1.000m² (20mx50m); mô hình áp dụng công nghệ thủy canh hồi lưu kín, mật độ trồng 21.288 cây/1.000m² tương đương 21.288 lỗ thủy canh; 02 loại rau xà lách (lolo xanh, lolo tím) và 03 loại rau ăn canh (cải xanh, cải dún, cải bó xôi) được trồng trong mô hình.

Quy trình trồng rau bằng phương pháp thủy canh hồi lưu



- Chuẩn bị cây con: hạt giống được gieo vào khay xốp, hạt giống được tưới nước đều lên bề mặt đảm bảo cho hạt giống và xốp ướt hết. Khi hạt nảy mầm, tưới cây con đủ ẩm, khi cây con cao 3 - 5cm thì tiến hành chuyển cây con vào trong rọ nhựa, di chuyển qua khu vực nuôi cây con.



Khay xốp ươm hạt

- Chuyển cây lên giàn nuôi cây con:

+ Chọn những cây đã được ươm trong khay xốp khỏe mạnh, độ dài rễ 3 - 5cm, không có dấu hiệu bệnh sinh lý như vàng lá, đỏ lá hay cây còi cọc kém phát triển hoặc các dấu hiệu bị bệnh như héo lá, đen gốc, đen hay thối rễ... và chuyển lên giàn nuôi cây con nhưng chú ý không làm cho cây bị gãy, dập lá, hoặc đứt rễ.

+ Chăm sóc cây con trên giàn nuôi cây con: cây sau khi chuyển vào rọ sẽ được chuyển lên giàn nuôi cây con, có dung dịch dinh dưỡng và để trong điều kiện mát từ 1 - 2 ngày tùy theo loại rau và điều kiện nhà lưới. Chuyển các khay chứa các chậu rau đến vị trí có nắng chiếu trực tiếp và chăm sóc trong thời gian khoảng 10 ngày thì cây phát triển gấp tán lá, lúc đó tiến hành chuyển cây sang giàn sản xuất để nuôi cây trưởng thành. Đối với cải ăn canh thời gian ngắn hơn, khoảng 7 ngày thì chuyển sang giàn sản xuất.

+ Cách pha và sử dụng dinh dưỡng

• Sử dụng phân bón thủy canh AB Lettuce chuyên dùng cho các hệ thống thủy canh trồng rau ăn lá: xà lách, rau muống, cải ngọt, rau mùi (rau thơm, rau răm...)... đáp ứng tiêu chuẩn an toàn, chất lượng (quy cách đóng gói: 1 Set AB Lettuce bao gồm 2 bao: A (15.625kg) và B (25kg), tổng: 40.625kg).

- Đổ bao A vào thùng/bể dung dịch A (100 lít nước), đổ bao B vào thùng/bể dung dịch B (100 lít nước), khuấy đều cả 2 bể dung dịch.

- Lấy 10 lít dung dịch mẹ từ bể A và 10 lít dung dịch mẹ từ bể B đổ vào bồn dung dịch con (reservoir) 3.000 lít thì sẽ được dung dịch với EC = 1,0 - 1,3.

- Sử dụng Acid Nitric pha trong reservoir để điều chỉnh pH (tối ưu 6,0 - 6,5).

- Dinh dưỡng đi qua hệ thống thủy canh được rễ cây hấp thu, sau đó được hoàn lưu lại bể chứa dinh dưỡng. Trong quá trình đó, lượng nước trong dinh dưỡng có thể bị bốc hơi, nên phải đo EC thường xuyên để đảm bảo không bị thừa hay thiếu dinh dưỡng.



Giàn ươm cây con

- Chuyển cây con lên giàn thủy canh, nuôi cây trưởng thành:

- + Giai đoạn này pha chế dinh dưỡng EC: 1,4 - 1,5.

- + Trong suốt giai đoạn này cần vệ sinh bồn chứa dinh dưỡng mỗi tuần 1 lần, kiểm tra thường xuyên tình hình sâu bệnh để có cách phòng ngừa. Neemoil là dầu chiết xuất từ thực vật được dùng để xua đuổi côn trùng.

- + Trong quá trình trồng cần tiến hành tỉa lá già, sâu bệnh để nấm bệnh không phát triển, bắt sâu nếu thấy sâu hại xuất hiện, không nên sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.



Rau thủy canh trồng tại dự án

- Thu hoạch rau thủy canh

- + Cây sau khi trồng từ 20 - 25 ngày đối với xà lách, 15 - 20 ngày đối với rau ăn canh. Thu hoạch vào buổi sáng (trước 9 giờ) hoặc buổi chiều (sau 16 giờ) để tránh cây khô bị héo khi thu hoạch.

- + Trọng lượng cây khi thu hoạch đạt từ 200 - 300gram.

- + Khi thu hoạch nguyên giỏ cần tiến hành như sau: lấy giỏ rau muốn thu hoạch ra khỏi giàn trồng. Chuyển vào nhà sơ chế, dùng màng bao thực phẩm quấn quanh rễ, tỉa bỏ lá già dưới gốc, cho rau vào bao bì, cân trọng lượng và chuyển đi tiêu thụ ngay sau khi thu hoạch.



Thu hoạch rau thủy canh

(xem tiếp trang 25)

HIỆU QUẢ MÔ HÌNH TRỒNG CÂY KHỔ QUUA GHÉP GỐC MƯỚP TẠI HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH AN GIANG

Trần Ngọc Phương Anh

Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN An Giang

Khổ qua từ lâu được trồng rộng rãi ở Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á và nhiều nơi khác trên thế giới. Ở Việt Nam, khổ qua còn là cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao cho nông dân ở ĐBSCL. Ngoài thể mạnh cây lúa, rau màu được xem là cây trồng có tiềm năng phát triển rất lớn đã góp phần cải thiện đời sống nâng cao thu nhập cho bà con nông dân. Trong đó, cây khổ qua được trồng phổ biến hàng năm khoảng 300ha, vừa làm rau và vừa làm thuốc (trà khổ qua), có giá trị xuất khẩu ở dạng sấy khô. Tuy nhiên, trong sản xuất khổ qua còn nhiều hạn chế cây dễ mắc cảm với các loại bệnh đặc biệt là bệnh có nguồn gốc từ đất như bệnh héo rũ do nấm *Fusarium oxysporum* gây ra. Cho đến nay bệnh này vẫn chưa có thuốc đặc trị cũng như chưa có giống kháng, mà chủ yếu được phòng ngừa bằng cách luân canh với cây trồng khác họ hoặc sử dụng các biện pháp hóa học để phòng trừ.

Biện pháp kỹ thuật trồng khổ qua ghép gốc mướp được nghiên cứu và áp dụng thành công ở một số nước khu vực Châu Á, nhằm tăng khả năng kháng bệnh có nguồn gốc từ đất, đồng thời còn giúp cây sinh trưởng mạnh, cho năng suất và phẩm chất cao. Ở nước ta trong những năm gần đây, vấn đề nghiên cứu và ứng dụng gốc ghép trong sản xuất rau phát triển khá mạnh mẽ đồng thời đã đạt nhiều thành công.

Trường Đại học Cần Thơ đã có nghiên cứu rất nhiều về cây rau khi đưa cà chua ghép, dưa leo ghép, dưa hấu ghép... vào thực tế sản xuất. Bên cạnh đó, khổ qua ghép gốc mướp cho năng suất cao hơn khổ qua không ghép. Lợi dụng gốc ghép (mướp) khỏe mạnh hơn ngọn ghép (khổ qua) nên cây ghép không chỉ sinh trưởng mạnh, kéo dài thời gian thu hoạch mà còn thích ứng tốt với điều kiện môi trường bất lợi như ngập úng, khô hạn, nhiễm mặn hay phèn (biến đổi khí hậu), ngoài việc lựa chọn giống thích hợp thì mật độ trồng thưa, gốc ghép và ghép nhiều gốc lên một ngọn là yếu tố quan trọng thứ hai để nâng cao năng suất và sản lượng cây trồng tại địa phương.

Năm 2020, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN đã kết hợp với Phòng Kinh tế hạ tầng và Trạm Khuyến nông huyện Châu Phú và Thị xã Tân Châu triển khai mô hình khảo nghiệm cây khổ qua ghép gốc mướp. Kết quả mô hình cho năng suất trái khổ qua ghép gốc mướp cao hơn 20% (ở huyện Châu Phú) đến 26% (ở Thị xã Tân Châu) so với trồng khổ qua không ghép theo kiểu truyền thống, bởi vì cây ghép sinh trưởng mạnh hơn đã làm gia tăng số trái trên cây, khối lượng trái trên cây và thời gian thu hoạch trái. Kết quả này đã được đại diện ngành nông nghiệp và nông dân tham dự hội thảo đánh giá cao về hiệu quả của mô hình khổ qua ghép gốc mướp.



Hội thảo tham quan mô hình trồng khổ qua ghép gốc mướp tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (tháng 8/2020) - ảnh trái; và tại thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (tháng 11/2020) - ảnh phải

Để tiếp tục nhân rộng mô hình trồng cây khổ qua ghép gốc mướp trong năm 2021 thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN tiếp tục phối hợp với Phòng Kinh tế hạ tầng và Trạm Khuyến nông huyện Châu Thành thực hiện mô hình khảo nghiệm cây khổ qua ghép gốc mướp tại hộ ông Đặng Hoàn Nam trên diện tích 1.000m², xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành. Thời gian thực hiện từ tháng 5/2021 đến tháng 8/2021. Kết quả mô hình cho thấy mô hình khổ qua không ghép đạt năng suất 3,2 tấn/1.000m², khổ qua ghép gốc mướp đạt 4,06 tấn/1.000m² cao hơn giống khổ qua không

ghép 900kg/1.000m². Ngoài ra, giống khổ qua ghép gốc mướp còn có ưu điểm là cây giống khổ qua ghép gốc mướp có khả năng kháng được bệnh héo rũ do nấm *Fusarium oxysporum* gây ra, cây giống khổ qua ghép gốc mướp còn chịu ngập và kháng bệnh tốt hơn giống khổ qua không ghép (khổ qua không ghép nhiễm bệnh héo rũ do nấm *Fusarium oxysporum* gây ra tỉ lệ cây bị bệnh khoảng 10%).

Về hiệu quả kinh tế của mô hình: trồng khổ qua ghép gốc mướp đạt lợi nhuận 16,5 triệu/1.000m², trồng khổ qua không ghép lợi nhuận 12,2 triệu/1.000m². Điều này cho thấy khi trồng khổ qua ghép gốc mướp sẽ làm tăng lợi nhuận khoảng 36% so với trồng khổ qua không ghép.

Trong thời gian tới, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN tiếp tục phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang nhân rộng mô hình các huyện còn lại. Đồng thời tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật trồng cây khổ qua ghép gốc mướp, kỹ thuật sản xuất cây giống khổ qua ghép gốc mướp và cung cấp cây giống khổ qua ghép gốc mướp cho bà con nông dân./.



Mô hình khổ qua ghép gốc mướp tại xã Bình Thạnh, Châu Thành, An Giang (tháng 8/2021)

MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KH&CN NGÀNH NN&PTNT GIAI ĐOẠN 2013 - 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

Phòng Kế hoạch - Tài chính

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Về tình hình xây dựng các văn bản thực hiện Chiến lược: Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản triển khai các chương trình, nhiệm vụ KH&CN về chủ trương, chính sách của tỉnh nhằm tạo hành lang pháp lý cho công tác quản lý nhà nước về KH&CN; qua đó đã khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế và phát triển tài sản trí tuệ tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh.

Về phát triển nguồn nhân lực: trong 50 tổ chức KH&CN được cấp giấy chứng nhận hoạt động, trong đó có 18 đơn vị thuộc ngành NN&PTNT. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học và nhân viên kỹ thuật trong từng lĩnh vực chuyên môn của địa phương trong giai đoạn 2013 - 2020 luôn được các cấp, các ngành, địa phương chú trọng.

Về phát triển cơ sở hạ tầng: để thúc đẩy phát triển KH&CN, tỉnh đã triển khai thực hiện 05 dự án phát triển cơ sở vật chất về KH&CN với tổng số mức đầu tư là 301.226 triệu đồng (đến nay đã giải ngân được 237.059 triệu đồng). Trong đó, để thực hiện phát triển NNCNC, tỉnh tập trung vào Dự án xây dựng Trung tâm CNSH tỉnh An Giang. Đến nay, hầu hết các hạng mục đã được đưa vào vận hành, sử dụng. Việc đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN của tỉnh cho các tổ chức



Sở NN&PTNT An Giang ký kết hợp tác xây dựng vùng nguyên liệu nông sản xuất khẩu với Công ty TNHH Thuận Phong (Bến Tre)

KH&CN từ năm 2016 đến nay được quan tâm, đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn của đơn vị. Một số dự án tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN được phê duyệt và dự kiến kết thúc vào năm 2020 như dự án: dự án xây dựng Trung tâm CNSH tỉnh An Giang; đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020.

Về kết quả nghiên cứu, ứng dụng KH&CN ngành NN&PTNT:

- Thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-TU ngày 27/6/2012 về phát triển NNCNC và Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 28/02/2013 về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế của Tỉnh ủy, Sở KH&CN phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiên cứu

ứng dụng, thử nghiệm, khảo nghiệm, quy trình kỹ thuật, nhân rộng các mô hình trình diễn cấp thiết phục vụ phát triển công tác quản lý ngành, phát triển các giống, sản phẩm cây trồng, vật nuôi, thủy sản, lâm nghiệp mới cho tỉnh.

Từ năm 2013 - 2020, có 29 nhiệm vụ KH&CN lĩnh vực NN&PTNT có tính ứng dụng cao được triển khai và đưa vào thực tiễn. Thông qua các nhiệm vụ KH&CN, đã chọn tạo, phục tráng được một số giống cây trồng, vật nuôi phù hợp (giống lúa nếp ngắn ngày, lúa đặc sản, lúa mùa nổi, nhãn Mỹ Đức; sản xuất giống tôm càng xanh toàn đực; sinh sản nhân tạo một số loại cá nước ngọt; lai tạo, tuyển chọn đàn cá sặc rằn bố mẹ chất lượng cao...). Điển hình là đề tài “Nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phục vụ phát triển huyện nông thôn mới (huyện Châu Phú, tỉnh An Giang)”, do TS. Võ Văn Dứt làm chủ nhiệm, Trường Đại học Cần Thơ chủ trì. Kết quả, đã xác định cơ sở lý luận và các yếu tố tác động đến chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; thông qua đánh giá các mô hình sản xuất nông nghiệp hiện tại và xác định các mô hình sản xuất phù hợp để đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của huyện, lựa chọn một mô hình hiệu quả và phù hợp nhất để hỗ trợ và phát triển thành mô hình điểm sản xuất nông nghiệp tại huyện Châu Phú.

- Hoạt động nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đã góp phần phát triển ngành khoa học rất lớn trên địa bàn tỉnh. Một số nhiệm vụ tiêu biểu như: “Nghiên cứu sản xuất than sinh học từ rác thải hữu cơ và phế phẩm nông nghiệp”, kết quả tạo ra nguồn nguyên liệu mới thân thiện với môi trường từ nguồn rác thải sinh hoạt và phụ phẩm nông nghiệp, góp phần tăng hiệu quả KT-XH và giảm nguồn nguyên



Sản phẩm của chuỗi đề tài nghiên cứu sinh sản nhân tạo, sản xuất giống và nuôi thương phẩm giống cá Lăng Nha do Trường Đại học Nông lâm TP.HCM chủ trì

liệu hóa thạch đang dần cạn kiệt; “Thử nghiệm mô hình nuôi cá lóc thương phẩm theo hướng VietGAP liên kết với sản xuất khô, mắm cá an toàn thực phẩm tại TP. Châu Đốc, An Giang”, kết quả đã đảm bảo an toàn được nguồn nguyên liệu đầu vào, đồng thời liên kết với cơ sở sản xuất mắm và khô cá lóc để sản xuất sản phẩm đạt an toàn vệ sinh thực phẩm, hình thành chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chất lượng tại TP. Châu Đốc; “Đánh giá tốc độ tăng trưởng của bê con qua gieo tinh nhân tạo từ giống bò Brahman đỏ trên địa bàn An Phú”, kết quả cho thấy giống bê lai từ bò cái Zebu và bò đực Brahman đỏ có tốc độ tăng trọng nhanh, thích nghi tốt với điều kiện của địa phương, đây là cơ sở để địa phương tìm ra giống vật nuôi mới phục vụ phát triển nông nghiệp.

- Triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh An Giang, tính đến nay, đã thực hiện 45 dự án thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, ứng dụng đổi mới công nghệ, thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí 62,178 tỷ đồng. Chương trình đã hỗ trợ cho

các mô hình, dự án ứng dụng đổi mới công nghệ, tập huấn kỹ thuật, sản xuất thử nghiệm trong các lĩnh vực sản xuất và đời sống. Trong đó, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực NNCNC, an toàn và an ninh thông tin, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp (giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản...) và công nghệ vật liệu mới. Các quy trình: trồng rau, trồng hoa - cây cảnh, sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu áp dụng các công nghệ mới... phục vụ chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, thay thế các giống thoái hóa. Nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến cho các cơ sở sản xuất kinh doanh và cho các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh như mô hình tiết kiệm năng lượng, xử lý rác thải nông thôn, nước thải, mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp... với số tiền hỗ trợ khoảng 50 tỷ đồng. Các dự án ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN mang lại hiệu quả cao, có khả năng nhân

rộng như: “Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất cây giống rau” ở Tân Châu (chi phí đầu tư 1.486 triệu đồng/4.000 m², doanh thu 250 - 300 triệu đồng/1.000 m²/năm, thời gian hoàn vốn 5,42 năm); “Sản xuất thử nghiệm nấm linh chi theo hướng công nghệ cao tại huyện Thoại Sơn” (chi phí đầu tư 475,621 triệu đồng/400 m² nhà trồng và 40 m² nhà sấy, doanh thu 333,25 triệu đồng/năm, thời gian hoàn vốn 1,09 năm); “Xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm hoa giống và hoa chậu trong nhà lưới có mái lợp plastic” ở Châu Thành (chi phí đầu tư 671,654 triệu đồng/2.000 m², doanh thu 780 triệu đồng/1.000 m²/năm, thời gian hoàn vốn 0,67 năm); “Sản xuất thử nghiệm dưa lưới trong nhà màng sử dụng hệ thống tưới tự động” ở Tịnh Biên (chi phí đầu tư 1.733,959 triệu đồng/3.4920 m², doanh thu 371,22 triệu đồng/1.000 m²/năm, thời gian hoàn vốn 2,3 năm)/.

(tiếp theo trang 20)

- Xử lý giỏ sau khi thu hoạch

Giỏ rau sau khi thu hoạch được lấy ra khỏi giỏ, loại bỏ những rễ bám quanh giỏ, rửa sạch giỏ bằng nước và sau đó bảo quản giỏ ở chỗ mát. Trong trường hợp chưa có giỏ rau mới để thay giỏ rau đã thu hoạch vào hệ thống thì cần phải sử dụng giỏ đã rửa sạch cho vào hệ thống để hạn chế sự bốc hơi nước và đồng thời ngăn chặn ánh sáng chiếu vào dung dịch, tạo điều kiện cho rễ phát triển trong hệ thống.

- Vệ sinh hệ thống thủy canh

Trong quá trình sử dụng, cần lưu ý làm vệ sinh toàn bộ hệ thống sau mỗi vụ trồng. Khi vệ sinh cần vệ sinh bên trong lẫn ngoài các ống nhựa, các ống nối, thùng cấp chứa và máy bơm, đồng thời thay toàn bộ nước cũng như

dinh dưỡng thì cây sẽ phát triển tốt hơn. Nếu để lâu cây sẽ phát triển chậm, đồng thời từ hệ thống sẽ tập trung vào thùng chứa quá nhiều và làm cho máy bơm bị tắc và dễ bị hỏng.

- Kết quả dự án: rau xà lách đạt năng suất 2,4 tấn vụ/1.000m²; rau ăn canh đạt năng suất 3,32 tấn/vụ/1.000m²; sản phẩm rau đạt chứng nhận VietGAP. Rau trồng trong dự án cung cấp cho khách hàng là các quán ăn, nhà hàng tại thành phố Long Xuyên với tỷ lệ khoảng 30%. Còn lại cung cấp cho các đối tác như siêu thị Mega Makert và bán lại cho Mekong Farm. Với giá bán lẻ rau xà lách từ 40.000đ - 50.000 đ/kg, rau ăn canh 30.000đ/kg; giá bán sỉ rau xà lách 25.000 - 30.000 đ/kg, rau ăn canh 15.000 - 20.000đ/kg; mô hình đạt tỷ lệ lãi ròng so với tổng vốn đầu tư là 16%/.

CÔNG TÁC TRIỂN KHAI ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA, TIÊU CHUẨN CƠ SỞ TẠI TỈNH AN GIANG

Đào Hoa Lý

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất Lượng

Ngày Tiêu chuẩn Thế giới - World Standards Day, ngày 14/10 được coi là ngày hội truyền thống của những người làm công tác tiêu chuẩn hoá trên toàn cầu là ngày để vinh danh những nỗ lực của hàng ngàn chuyên gia trên khắp Thế giới chia sẻ bí quyết và chuyên môn của họ để phát triển các tiêu chuẩn quốc tế nhằm thúc đẩy thương mại, phổ biến các kiến thức và tiến bộ khoa học công nghệ.

Chủ đề năm 2021 là “Tiêu chuẩn phục vụ cho các mục tiêu phát triển bền vững (SDG) - Tầm nhìn chung cho một thế giới tốt đẹp hơn”.

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (gọi tắt là Luật TC&QCKT) được ban hành năm 2006 đã thống nhất điều chỉnh hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, chống gian lận thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và trật tự trong sản xuất, kinh doanh, tăng hiệu quả và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy tiến trình hội nhập.

Các tiêu chuẩn là một bộ quy tắc để đảm bảo chất lượng; là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động KT-XH nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đối tượng này.

Kể từ khi ban hành đến nay, Luật TC&QCKT đã rút gọn hệ thống tiêu chuẩn còn hai cấp (Tiêu



Tập huấn các quy định về nhãn hàng hóa

quốc gia và Tiêu chuẩn cơ sở) phù hợp với thông lệ quốc tế.

Hệ thống Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) được xây dựng trên nguyên tắc ưu tiên hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài tiên tiến, đã tạo nền tảng vững vàng, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong nước, tạo thuận lợi hóa thương mại quốc tế, thúc đẩy tiến trình gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và thực thi Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), bảo vệ được lợi ích quốc gia và lợi ích của các doanh nghiệp trong nước trước sức ép của cạnh tranh toàn cầu và tự do hoá thương mại, đồng thời, thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam phục vụ cho giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Để triển khai hiệu quả Luật TC&QCKT, các sở, ngành đã tập huấn triển khai, hướng dẫn về

xây dựng và công bố hợp chuẩn, hợp quy và công bố Tiêu chuẩn cơ sở trong các hoạt động kinh doanh và sản xuất các sản phẩm như thép làm cốt bê tông; mũ bảo hiểm; đồ chơi trẻ em; thiết bị điện - điện tử; xăng dầu - gas; vàng trang sức, mỹ nghệ; dầu nhờn động cơ đốt trong... trung bình 4 - 5 lớp/năm, với khoảng 30 - 40 người/lớp.

Qua tập huấn, hướng dẫn cho hơn 250 doanh nghiệp công bố tiêu chuẩn cơ sở vàng trang sức, mỹ nghệ (lĩnh vực KH&CN) và trên 412 doanh nghiệp, hộ kinh doanh xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm thuộc các lĩnh vực thực phẩm (lĩnh vực công thương), vật liệu xây dựng, nông nghiệp, đã hướng dẫn và tiếp nhận trên 81 hồ sơ công bố hợp quy cho các sản phẩm thép làm cốt bê tông (lĩnh vực KH&CN), phân bón vô cơ (lĩnh vực công thương) trên 10 hồ sơ công bố hợp chuẩn đối với hàng hoá: xi măng, thức ăn hỗn hợp cho cá tra và cá rô phi... nhằm giúp doanh nghiệp có căn cứ pháp lý để thực hiện sản xuất kinh doanh, kiểm soát sản phẩm một cách cụ thể, dễ dàng cho việc tiếp cận sản phẩm, sản xuất theo tiêu chuẩn và bảo đảm độ tin cậy cho khách hàng.

Ngoài ra trong lĩnh vực KH&CN, Sở KH&CN triển khai có hiệu quả các Quy chuẩn Việt Nam (QCVN) của ngành quản lý đến các doanh nghiệp như QCVN 03:2019/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đồ chơi trẻ em; QCVN 01:2015/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học; sửa đổi 01:2017 QCVN 01:2015/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học; QCVN 02:2008/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mũ bảo hiểm cho người đi xe



Tập huấn văn bản pháp luật tại huyện Châu Thành

mô tô, xe máy; QCVN 04:2009/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với thiết bị điện và điện tử; sửa đổi 01:2016 QCVN 04:2009/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với thiết bị điện và điện tử; QCVN 09:2012/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự; sửa đổi 01:2018 QCVN 09:2012/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự. Qua đó giúp các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh từng bước nâng cao về tầm quan trọng của việc áp dụng Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật cũng như nhận thức về đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giúp chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày càng được nâng cao. Từ năm 2010 đến năm 2020, Sở KH&CN đã hỗ trợ kinh phí công bố sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương cho hơn 19 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất khô cá, mắm cá (công bố 30 sản phẩm khô cá, mắm cá); hỗ trợ 13 đơn vị áp dụng một số công cụ nâng cao năng suất chất lượng như: 5S, Kaizen và KPI; hỗ trợ chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP cho 3 mô hình thủy sản (nuôi lươn đồng thương phẩm, nuôi cá lóc và



Khảo sát, kiểm tra hàng hoá đồ chơi trẻ em

nuôi tôm càng xanh), cây xoài của Hợp tác xã tại huyện Chợ Mới, chứng nhận rau an toàn cho 04 vùng trồng rau tại thành phố Châu Đốc, thành phố Long Xuyên và huyện Chợ Mới.

Hỗ trợ 09 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt giải thưởng Chất lượng Quốc gia gồm 01 giải vàng; 06 giải bạc; 02 Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

Việc triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo TCVN ISO 9001 có 202 cơ quan công bố HTQLCL phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 bao gồm 46 cơ quan thuộc đối tượng phải xây dựng và áp dụng HTQLCL và 156 UBND xã, phường, thị trấn thuộc đối tượng khuyến khích theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng chính phủ.

Qua việc dụng HTQLCL tại các cơ quan, đơn vị thuộc hành chính nhà nước đã xây dựng được các quy trình giải quyết công việc một cách khoa học; từng bước cải tiến phương pháp làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho từng cán bộ, công chức, phòng, ban giải quyết công việc thông suốt, kịp thời hiệu quả; hạn chế đến mức thấp nhất tiêu cực có thể xảy ra trong thực thi

nhệm vụ của cán bộ, công chức; góp phần tích cực trong việc thực hiện cơ chế “một cửa, một cửa liên thông” theo quy định của Chính phủ, đồng thời là công cụ hỗ trợ đắc lực phục vụ công tác cải cách hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

Trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND tỉnh đã ban hành 02 Quy chuẩn địa phương (QCĐP 01:2009/AG, Cá khô An Giang - Chỉ tiêu và mức giới hạn an toàn thực phẩm; QCĐP 02:2009/AG, Mắm cá An Giang - Chỉ tiêu và mức giới hạn an toàn thực phẩm) và ban hành Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chuẩn kỹ thuật - Chỉ tiêu và mức giới hạn an toàn thực phẩm sản phẩm cá khô và mắm cá An Giang được ban hành kèm theo Quyết định số 53/2009/QĐ-UBND ngày 24/11/2009.

Trong lĩnh vực y tế có 01 đơn vị đang trong quá trình xây dựng QCĐP về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Qua kiểm tra và thanh tra sản phẩm hàng hóa trên địa bàn, đa số các tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh đều tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy.

Kiểm tra về ghi nhãn đúng theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa (tên hàng hóa; địa chỉ sản xuất/nhập khẩu; thành phần; thông số kỹ thuật; thông tin cảnh báo; hướng dẫn sử dụng, bảo quản; năm sản xuất); lưu giữ và xuất trình hồ sơ công bố hợp quy đúng theo quy định; trên đồ chơi trẻ em có gắn dấu hợp quy CR của các tổ chức chứng nhận QUATEST 1, QUATEST 3, QUACERT, VietCERT.../.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TẠI AN GIANG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Phạm Danh Tường

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Trong thời gian qua, sản xuất NNCNC trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng của ngành, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân nông thôn, đóng góp đáng kể vào công cuộc xây dựng nông thôn mới. Nhiều vùng sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh như lúa gạo (Jasmine, nếp), cây ăn quả (chuối, xoài), chăn nuôi (heo, bò), thủy sản (cá tra, lươn, giống thủy sản), rau màu, dược liệu đã dần được xác lập, phương thức sản xuất từng bước chuyển biến theo hướng tích cực ứng dụng KH&CN, tiến bộ kỹ thuật, chú trọng tổ chức sản xuất hàng hoá lớn, gắn với liên kết tiêu thụ, sản phẩm được nâng cao về chất lượng và sức cạnh tranh trên thị trường; tư duy sản xuất dần chuyển biến từ năng suất, sản lượng sang chất lượng, hiệu quả, hội nhập và bền vững.

1. Thực trạng ứng dụng công nghệ cao trong phát triển nông nghiệp tại An Giang

Triển khai Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 27/6/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển NNCNC tỉnh An Giang giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (Nghị quyết 09-NQ/TU), các cấp, các ngành đã tổ chức chỉ đạo, xây dựng, triển khai nhiều cơ chế, chính sách nhằm cụ thể hóa, đưa chủ trương của Tỉnh ủy đi vào cuộc sống, cơ bản đáp ứng mục tiêu đặt ra đến năm 2020. Một số kết quả nổi bật trong triển khai Nghị quyết 09-NQ/TU giai đoạn 2012 - 2020, cụ thể: ⁽¹⁾Nhiều cơ chế, chính sách, quy hoạch và kế hoạch thực hiện sản xuất NNCNC tiếp tục được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung

phù hợp với thực tế sản xuất (trên 41 văn bản chỉ đạo, điều hành phát triển NNCNC đã được ban hành); ⁽²⁾Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã phát sóng trên 3.500 tin, bài và 250 phóng sự; 705 tiết mục; Đài truyền thanh 11 huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện tuyên truyền trên 12.000 tin, 1.500 bài, 2.000 chuyên mục, tiết mục và 500 câu chuyện truyền thanh về lĩnh vực NNCNC trên địa bàn tỉnh; ⁽³⁾Đã cử đi đào tạo 90 người (57 thạc sĩ, 31 tiến sĩ, 01 sau tiến sĩ, trong đó có 17 người đào tạo ở nước ngoài) và thu hút 61 người có trình độ sau đại học (07 công chức, 54 viên chức) đáp ứng tốt các nhu cầu về phát triển NNCNC; ⁽⁴⁾Dự án Trung tâm CNSH tỉnh được đầu tư xây dựng với tổng kinh phí là 256,55 tỷ đồng; đến nay, hầu hết các hạng mục đã hoàn tất và đưa vào hoạt động; ⁽⁵⁾Năm 2019, diện tích sản xuất lúa, rau màu, cây ăn trái ứng dụng công nghệ cao là 91.363 ha trên tổng số 734.715 ha của tỉnh (chiếm 12,4%); thu nhập của các hộ trồng lúa, rau màu, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao tăng bình quân 20% so với biện pháp canh tác truyền thống; ⁽⁶⁾Thông qua các nhiệm vụ KH&CN, đã chọn tạo, phục tráng được một số giống cây trồng, vật nuôi phù hợp.

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã tập trung giải quyết được nhu cầu ứng dụng tiến bộ KH&CN vào thực tiễn sản xuất và đời sống; nhiều giải pháp kỹ thuật, mô hình sản xuất NNCNC đã được triển khai thực hiện và nhân rộng, từng bước đáp ứng với nhu cầu phát triển của xã hội. Các mô hình, dự án ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN mang

lại hiệu quả cao, có khả năng nhân rộng như: (1)“Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất cây giống rau” ở Tân Châu; (2)“Sản xuất thử nghiệm nấm linh chi theo hướng công nghệ cao tại huyện Thoại Sơn”; (3)“Xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm hoa giống và hoa chậu trong nhà lưới có mái lợp plastic” ở Châu Thành; (4)“Sản xuất thử nghiệm dưa lưới trong nhà màng sử dụng hệ thống tưới tự động” ở Tịnh Biên.

Nhằm xác lập các vùng sản xuất trọng điểm ứng dụng công nghệ cao cho các đối tượng nông sản chủ lực, phù hợp với đặc điểm, điều kiện sản xuất của từng địa phương, tạo thuận lợi cho tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa lớn, hình thành các vùng nguyên liệu có liên kết tiêu thụ với doanh nghiệp, UBND tỉnh đã phê duyệt 08 quy hoạch chi tiết vùng sản xuất NNCNC cho 08 nhóm sản phẩm (lúa gạo, thủy sản, chăn nuôi, rau màu, cây ăn trái, hoa kiểng, dược liệu, nấm ăn - nấm dược liệu), một số kết quả chủ yếu đạt được như sau:

(1) Đối với lúa gạo: các hộ sản xuất có ứng dụng tiên bộ kỹ thuật (UDKHKT) có ưu thế vượt trội khi tỷ lệ chi phí trung gian (CPTG) và giá thành bình quân (b/q) 1 kg sản phẩm đều thấp hơn so với các hộ sản xuất truyền thống (Cục Thống kê, 2017) . Ước tính, thu nhập của người trồng lúa theo hướng ứng dụng công nghệ cao tăng bình quân 20 - 25% so với biện



Sản xuất thử nghiệm hoa giống và hoa chậu trong nhà lưới có mái lợp plastic ở Châu Thành



Sản xuất thử nghiệm dưa lưới trong nhà màng sử dụng hệ thống tưới tự động ở Tịnh Biên

pháp canh tác truyền thống. Tính đến năm 2019, diện tích sản xuất lúa theo hướng ứng dụng công nghệ cao đạt 69.897 ha, bao gồm: diện tích sản xuất lúa giống chất lượng cao đạt 28.707 ha; diện tích sản xuất có liên kết tiêu thụ với doanh nghiệp theo tiêu chuẩn Global GAP, SRP, các tiêu chuẩn xuất khẩu thị trường Châu Âu, Nhật... là 31.190 ha.

(2) Đối với thủy sản: tỷ lệ CPTG của các hộ có UDKHKT trong nuôi thủy sản là 85,95%, cao hơn 3,5% so hộ sản xuất truyền thống và giá thành b/q 1 kg sản phẩm của hộ UDKHKT là 21.553 đ/kg thấp hơn 411 đ/kg so với hộ sản xuất truyền thống. Thu nhập của hộ nuôi trồng thủy sản theo hướng ứng dụng công nghệ cao tăng hơn 20% (so mục tiêu quy hoạch đến 2020 là 30%). Tính đến năm 2019, diện tích nuôi thủy sản thu hoạch trên toàn tỉnh đạt 3.473 ha, với tổng sản lượng là 538.000 tấn. Nghề nuôi cá tra đã có sự phục hồi và tăng trưởng tốt với khoảng 1.243 ha nuôi, sản lượng đạt 425.000 tấn. Trong đó, sản lượng cá tra từ diện tích nuôi có ứng dụng công nghệ cao đến cuối năm 2019 đạt tỉ lệ 75,73% trên tổng sản lượng cá tra toàn tỉnh.

(3) Đối với chăn nuôi: tỷ lệ CPTG của hộ nuôi có UDKHKT là 86,47% thấp hơn 8,76% so hộ sản xuất truyền thống; giá thành b/q 1 kg sản phẩm là 28.454 đ/kg cũng thấp hơn 787 đ/kg so với hộ sản xuất truyền thống. Việc áp



Ứng dụng máy cấy lúa phục vụ sản xuất lúa giống ở Thọ Sơn



Ứng dụng hệ thống chuồng kín trong chăn nuôi gà thịt an toàn sinh học ở Châu Phú

dụng gieo tinh nhân tạo tạo ra bê có khối lượng cao hơn phương thức truyền thống, thực hiện vỗ béo bò thịt 03 tháng trước khi xuất chuồng cho hiệu quả kinh tế cao hơn không vỗ béo (Cục Thống kê, 2017). Thu nhập của hộ chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao tăng 10 -20 % (so mục tiêu quy hoạch đến năm 2020 là 30%). Năm 2019, chăn nuôi hướng NNCNC đạt 74.083 con, trong đó có 599 con bò, 19.186 con heo, 54.298 con gia cầm.

(4) Đối với rau, màu: Do chi phí đầu tư cao nên giá thành b/q 1 kg sản phẩm của ÚDKHKT có cao hơn so hộ sản xuất truyền thống (5.889 đồng/kg so mức 4.031 đồng/kg) song đầu tư có hiệu quả hơn khi tỷ lệ CPTG chỉ chiếm 44,18% thấp hơn 6,48% so hộ sản xuất truyền thống (Cục Thống kê, 2017). Thu nhập của nông dân trồng rau màu ứng dụng công nghệ cao ước tính tăng 20 - 25% so với sản xuất thông thường tại thời điểm năm 2019 (so mục tiêu quy hoạch đến năm 2020 là 30%). Diện tích sản xuất rau màu hướng NNCNC năm 2019 đạt 7.472 ha trong tổng số 20.147 ha rau màu toàn tỉnh, đạt 37,1%.

(5) Đối với cây ăn trái: Tỷ lệ CPTG của các hộ có ÚDKHKT là 44,15% thấp hơn 19,65% so hộ sản xuất truyền thống. Giá thành b/q

1 kg sản phẩm của ÚDKHKT là 3.996 đ/kg thấp hơn 4.314 đ/kg so với hộ sản xuất truyền thống. Trong đó các mô hình trồng cây ăn quả có hệ thống tưới tự động hiệu quả cao nhất (Cục Thống kê, 2017). Năm 2019, diện tích trồng cây ăn trái hướng NNCNC của 04 đối tượng chủ lực (xoài, chuối cây mô, nhãn, cây có múi) là 13.994 ha, vượt so với mục tiêu quy hoạch là 9.574 ha, chiếm 89,72% trên tổng diện tích trồng cây ăn trái hiện nay của tỉnh. Năng suất bình quân tăng từ 10,82% so với năm 2012 và giá trị sản lượng cây ăn trái chủ lực đạt trên 170 - 180 triệu đồng/ha/năm (mục tiêu quy hoạch là 150 triệu đồng).

(6) Đối với nấm ăn, nấm dược liệu: tỷ lệ CPTG của các hộ có ÚDKHKT là 58,31% thấp hơn 16,74% so hộ sản xuất truyền thống. Giá thành b/q 1 kg sản phẩm của ÚDKHKT là 28.716 đ/kg thấp hơn 2.743 đ/kg so với hộ sản xuất truyền thống. Trong đó, các mô hình trồng nấm có ÚDKHKT có tỷ lệ CPTG xấp xỉ nhau dù giá thành mỗi loại chênh lệch nhiều (Cục Thống kê, 2017). Phát triển sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu bước đầu đạt so với mục tiêu quy hoạch được phê duyệt, cụ thể: năng suất nấm rơm đạt 10 - 15% khối lượng rơm nguyên liệu; hiện có 10 - 20 cơ sở cung cấp phôi giống, meo

giống kết hợp thu mua sản phẩm tại Chợ Mới, Châu Thành, TP. Châu Đốc, Phú Tân; tạo việc làm cho hơn 20.000 lao động thường xuyên và khoảng 50.000 lao động thời vụ.

(7) Đối với dược liệu: tỷ lệ CPTG của các hộ có UĐKHKT là 9,26% thấp hơn 10,79% so hộ sản xuất truyền thống. Giá thành b/q 1kg sản phẩm của UĐKHKT là 2.999 đ/kg thấp hơn 2.531 đ/kg so với hộ sản xuất phương thức truyền thống (Cục Thống kê, 2017). Diện tích trồng cây dược liệu các loại ở tỉnh hiện nay vào khoảng 250 ha. Kết quả thực hiện quy hoạch vùng trồng và phát triển cây dược liệu tính đến năm 2020 đạt 80% mục tiêu quy hoạch. Diện tích cây dược liệu đến năm 2018 đã tăng khoản 20% so với những năm 2012. Từ năm 2019 - 2020 không tăng và có chiều hướng giảm (nguyên nhân chủ yếu là do khó tiêu thụ sản phẩm).

(8) Đối với hoa kiểng: Tỷ lệ CPTG của các hộ có UĐKHKT là 33,21% thấp hơn 20,67% so hộ sản xuất truyền thống (Cục Thống kê, 2017). Diện tích sản xuất hoa kiểng hiện nay ước tính đã tăng trên 100 ha so với thời điểm thống kê năm 2014 là khoảng 60 ha. Một số vùng sản xuất chuyên canh hoa kiểng đã được hình thành ở các địa phương trong tỉnh như Chợ Mới (45 ha), Tri Tôn (gần 03 ha), Tịnh Biên (trên 03 ha), Long Xuyên (hơn 15 ha), Tân Châu (gần 05 ha), Châu Thành (02 ha)...

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả quan trọng đạt được, việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU cũng còn tồn tại một số tồn tại, hạn chế như hàm lượng công nghệ cao trong sản phẩm nông nghiệp chưa nhiều, nhận thức của người sản xuất về NNCNC còn hạn chế; suất đầu tư chưa và huy động nguồn lực xã hội cho phát triển sản xuất NNCNC chưa tương

xứng với yêu cầu phát triển, chưa mang lại hiệu quả như mong đợi, các kênh tiêu thụ sản phẩm NNCNC thiếu ổn định, cụ thể:

(1) Nhiều cơ chế, chính sách ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất NNCNC được xây dựng và tổ chức thực hiện từ trung ương đến địa phương. Tuy nhiên việc tiếp cận các chính sách này còn nhiều hạn chế (đặc biệt là nguồn tín dụng và quỹ đất) phần lớn do trình tự, thủ tục còn tốn nhiều thời gian thực hiện, các văn bản hướng dẫn chưa cụ thể. Việc công nhận vùng, doanh nghiệp NNCNC dù đã được phân cấp cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện theo Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 và Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ nhưng rất khó để triển khai vì tiêu chí chưa phù hợp với thực tiễn sản xuất.

(2) Công tác phổ biến, tuyên truyền còn gặp khó khăn ở số địa phương có địa hình phức tạp, dân cư sống phân tán; chưa có nhiều hình thức hấp dẫn, tài liệu cung cấp cho Đài truyền thanh cấp huyện tuyên truyền còn hạn chế, mang tính lý thuyết, chính trị nên người dân khó hiểu.

(3) Phát triển NNCNC tại các địa phương còn khó khăn về nguồn lực thực hiện, nên cần và đòi hỏi có sự hỗ trợ của Nhà nước, nhất là về nguồn lực tài chính. Việc hỗ trợ về ưu đãi tín dụng cũng gặp nhiều khó khăn, nhất là về tài sản thế chấp, về bảo lãnh vay; lãi suất trung và dài hạn ở mức cao nên cũng rất khó khuyến khích đầu tư.

(4) Hợp tác giữa doanh nghiệp và người dân, chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ chưa chắc chắn, chưa giải quyết thỏa đáng quyền lợi và nghĩa vụ trong thực thi hợp đồng.

(5) Sức ép cạnh tranh thị trường nông sản ngày càng tăng, rào cản kỹ thuật của các quốc

gia EU, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Úc... rất cao, trong khi đó, thực trạng sản xuất nông nghiệp tại địa phương có sự lệ thuộc rất lớn đối với thị trường xuất khẩu tiêu ngạch, không ổn định, rào cản kỹ thuật thấp. Việc tìm thị trường tiêu thụ để liên kết với hộ xây dựng vùng nguyên liệu còn gặp nhiều khó khăn.

(6) Quy mô thực hiện mô hình NNCNC còn nhỏ lẻ, manh mún, chiếm tỷ lệ chưa cao so với diện tích sản xuất. Cơ sở vật chất trang thiết bị chưa đủ đáp ứng theo tiêu chuẩn của thị trường, chưa đáp ứng được cho quy hoạch vùng chuyên canh rau màu, cây ăn trái (chuyển từ đất trồng lúa kém hiệu quả) theo hướng gắn liền với du lịch sinh thái. Sản phẩm an toàn và không an toàn của người nông dân chưa có sự khác biệt về giá thu mua nên khó khuyến khích nông dân ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất do chi phí đầu tư lớn, thu hồi vốn chậm. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm về chất lượng sản phẩm rau, quả và giá cả còn hạn chế.

3. Đề xuất giải pháp

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện, một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được đề xuất, kiến nghị nhằm tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình phát triển NNCNC trong thời gian tới như sau:

(1) Tổ chức rà soát đánh giá kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ liên quan đến lĩnh vực NNCNC, từ đó tiếp tục cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với thực tế sản xuất để người dân, doanh nghiệp dễ tiếp cận.

(2) Đẩy mạnh công tác xúc tiến, tìm thị trường tiêu thụ để liên kết với hộ xây dựng vùng nguyên liệu; kêu gọi đầu tư, thực hiện chuỗi liên kết - tiêu thụ. Tăng cường quảng bá nông sản ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ doanh nghiệp

và người dân tìm kiếm thị trường tiêu thụ các sản phẩm hiện có và phát hiện, định hướng các thị trường cho các sản phẩm mới, có triển vọng.

(3) Tổ chức khảo sát, cập nhật, đánh giá hàng năm về hiện trạng và tiềm năng phát triển NNCNC tại các địa phương trên địa bàn tỉnh và hoạt động chuyển giao công nghệ của các viện, trường, tổ chức KH&CN và doanh nghiệp. Tổ chức các hội thảo chuyên đề về NNCNC nhằm thu thập ý kiến, đánh giá của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp, nông dân... Điều tra, thu thập và đánh giá nguồn gen quý hiếm, đặc trưng, có giá trị kinh tế, y học trên địa bàn tỉnh An Giang.

(4) Tổ chức nhân rộng các mô hình hiệu quả; tập trung hỗ trợ các mô hình có quy mô lớn, các vùng và doanh nghiệp NNCNC được chứng nhận. Sớm đưa Trung tâm CNSH vào hoạt động hiệu quả.

(5) Thông qua các nhiệm vụ KH&CN tiếp tục đẩy mạnh công tác hỗ trợ đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ KH&CN cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp liên quan về kiến thức quản lý, kỹ thuật vận hành các quy trình canh tác, sản xuất và dịch vụ trong phát triển NNCNC; đẩy mạnh xúc tiến và hỗ trợ ươm tạo, phát triển quy trình công nghệ mới, nhân lực KH&CN và khởi nghiệp ĐMST tập trung vào lĩnh vực NNCNC.

(6) Giai đoạn 2021 - 2030, hình thành Khu Nông nghiệp công nghệ cao tỉnh An Giang (gắn với mô hình điện năng lượng mặt trời) và Trung tâm Nghiên cứu giống rau, hoa, dược liệu vùng ĐBSCL trên cơ sở mở rộng quy mô, nâng cấp cơ sở vật chất hiện hữu của Trung tâm CNSH tỉnh An Giang tại xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành (diện tích từ 36 ha lên 200 ha)/.

DIỄN TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP HUYỆN QUÝ 3/2021

1. Thành phố Châu Đốc

Tổ chức giám sát tiến độ thực hiện 03 nhiệm vụ: ⁽¹⁾Đề tài cấp cơ sở "*Nghiên cứu mô hình cấp cứu đột quỵ nhồi máu não cấp tại Bệnh viện Đa khoa Khu vực tỉnh An Giang*"; đã nghiệm thu, đạt 92,86 điểm (loại Xuất sắc), hiện đang điều chỉnh báo cáo tổng kết theo ý kiến của Hội đồng; ⁽²⁾Đề tài cấp cơ sở "*Xây dựng mô hình sản xuất thực nghiệm sản phẩm chả cá lóc theo hướng vệ sinh an toàn thực phẩm tại thành phố Châu Đốc*"; đã thực hiện xong các thí nghiệm, chuẩn bị chuyển giao kết quả cho cơ sở sản xuất; ⁽³⁾Dự án nhân rộng sản xuất dưa lưới trong nhà màng do Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thực hiện tại xã Vĩnh Châu và phường Châu Phú B (hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh An Giang): đã nộp báo cáo về Sở KH&CN và chờ tổ chức đánh giá nghiệm thu.

2. Huyện Chợ Mới

Tham mưu UBND huyện ban hành, triển khai: ⁽¹⁾Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST đến năm 2025 trên địa bàn huyện; ⁽²⁾Kế hoạch triển khai chiến lược phát triển và ứng dụng KH&CN vũ trụ đến năm 2030; ⁽³⁾Tham vấn ý kiến đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia của Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hữu cơ Bắc Hà thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm "*Hoàn thiện một số công thức lai giữa heo rừng và heo địa phương phù hợp với điều kiện tỉnh An Giang*".

Phối hợp với Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng thuyết minh dự án "*Xây dựng, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển*

nhãn hiệu tập thể bắp bao tử Chợ Mới" cho sản phẩm bắp bao tử huyện Chợ Mới.

3. TP. Long Xuyên

Tham mưu UBND thành phố ban hành, triển khai: ⁽¹⁾Hướng dẫn triển khai thực hiện Hướng dẫn số 712/HD-SKHCN ngày 11/6/2021 của Sở KH&CN về việc hỗ trợ chi phí thay đổi mẫu mã, kiểu dáng bao bì đối với sản phẩm OCOP của Tỉnh; ⁽²⁾Văn bản số 103/TĐC-QLĐL ngày 28/5/2021 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Sở KH&CN về việc phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước về đo lường; ⁽³⁾Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 tại tỉnh An Giang trên địa bàn thành phố Long Xuyên.

Tiếp tục theo dõi tiến độ thực hiện dự án "*Sản xuất thử nghiệm máy sản xuất bê tông ứng sức trước (dự ứng lực)*" (hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh An Giang).

4. Huyện Thoại Sơn

Tham mưu UBND huyện ban hành, triển khai: ⁽¹⁾Kế hoạch triển khai Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh về Chiến lược phát triển và ứng dụng KH&CN vũ trụ đến năm 2030; ⁽²⁾Góp ý dự thảo Báo cáo tổng kết 35 năm hoạt động KH&CN tỉnh An Giang giai đoạn 1986 - 2020.

Thành lập Hội đồng KH&CN xét duyệt đề cương chi tiết và thẩm định kinh phí thực hiện đề tài cấp cơ sở "*Đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ trái dâu da xanh (Baccaurea sapida) trồng tại Huyện Thoại Sơn (An Giang)*": nhóm

(xem tiếp trang 35)

TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG KHOA HỌC BẰNG HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN GÓP PHẦN PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19

Thực hiện Chương trình công tác năm 2021 của Sở Khoa học và Công nghệ, trong thời gian qua do tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh An Giang phải áp dụng Chỉ thị 15/CT-TTg ngày 27/3/2021 Chỉ thị về Quyết liệt thực hiện đợt cao điểm phòng chống COVID-19 nên các cuộc hội nghị, họp hội đồng đều không thể tiến hành được.

Theo quy định tại Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang, hội đồng xét duyệt đề cương và nghiệm thu, đánh giá nhiệm vụ, đề tài, dự án KH&CN có sự tham gia của các chuyên gia là giáo sư, tiến sĩ, cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học, giảng dạy tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong cả nước. Trung bình mỗi hội đồng có từ 2 - 3 chuyên gia tham gia.

Để giải quyết công việc theo kịp tiến độ và thời hạn xét duyệt, nghiệm thu các đề tài dự án đã hết thời gian thực hiện, Sở KH&CN chủ động ứng dụng công nghệ thông tin tổ chức họp hội đồng theo hình thức trực tuyến; hệ thống tổ chức họp trực tuyến được triển khai đảm bảo các yêu cầu về bảo mật



Họp hội đồng KH&CN theo hình thức trực tuyến

thông tin và phát huy có hiệu quả trong thời gian quan. Tính đến 31/10/2021 đã tổ chức: 17 Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ KH&CN; 04 Hội đồng nghiệm thu, đánh giá kết quả nhiệm vụ KH&CN; 05 cuộc giám sát tiến độ thực hiện. Qua đó, vừa chủ động được về thời gian tổ chức họp và bảo đảm thành phần tham gia hội đồng, tiến độ triển khai nhiệm vụ khoa học; tiết kiệm thời gian đi lại của các chuyên gia và kinh phí của nhà nước, góp phần hoàn thành kế hoạch năm của đơn vị.

Trong những tháng cuối năm 2021 và giai đoạn tiếp theo, Sở KH&CN An Giang sẽ tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, triển khai tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo, tập huấn và hội đồng khoa học bằng hình thức trực tuyến./.

Văn phòng
Sở KH&CN An Giang

(tiếp theo trang 34)

thực hiện đang điều chỉnh lại đề cương nhiệm vụ để triển khai quy trình tiếp theo.

Cung cấp danh sách các cơ sở kinh doanh kính mắt trên địa bàn huyện về Sở KH&CN; rà soát, thông tin máy kiểm tra nhanh chất lượng xăng dầu trên địa bàn huyện; Hướng

dẫn cơ sở Vương Kim (Bình Thành) đăng ký mã số mã vạch sản phẩm Trà sâm Đinh Lăng và Rượu sâm Đinh Lăng; hướng dẫn hỗ trợ chi phí thay đổi mẫu mã, kiểu dáng bao bì đối với sản phẩm OCOP cho 02 sản phẩm Nấm Linh chi và Trà Mãng cầu Thanh Nam./.

Phòng Kế hoạch - Tài chính
Sở KH&CN An Giang

XÉT DUYỆT ĐỀ CƯƠNG ĐỀ TÀI “HIỆN ĐẠI HÓA BÀI THUỐC GIA TRUYỀN HỖ TRỢ ĐIỀU TRỊ CHỨNG VIÊM XOANG CỦA BÀ HỒ THỊ KIM PHƯỢNG, THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, AN GIANG (GIAI ĐOẠN 2)”

Sáng ngày 13/10/2021, tại Phòng họp số 1, Sở KH&CN An Giang tổ chức Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn tổ chức chủ trì và xét duyệt đề cương đề tài cấp tỉnh Hiện đại hóa bài thuốc gia truyền hỗ trợ điều trị chứng viêm xoang của bà Hồ Thị Kim Phượng, thành phố Long Xuyên, An Giang (giai đoạn 2) do Trung tâm CNSH An Giang đăng ký thực hiện, ThS. Lê Thanh Thảo báo cáo. Phiên họp Hội đồng được tổ chức theo hình thức trực tuyến nhằm đảm bảo các quy định về phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Hội đồng do ThS. Tăng Phú An (Giám đốc Sở KH&CN) làm Chủ tịch Hội đồng, TS. Lê Thị Thu Cúc (Nguyên Trưởng Khoa Vật lý đo lường, Viện Kiểm nghiệm thuốc TP. Hồ Chí Minh) và Lương y Nguyễn Công Đức (Ủy viên Ban Chấp hành Hội Đông y TP. Hồ Chí Minh) làm Ủy viên phản biện, cùng các thành viên Hội đồng đến từ Sở Y tế, Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vĩ Long, Văn phòng UBND tỉnh, Sở KH&CN cùng các đại biểu đến từ đại diện các Phòng, đơn vị trực thuộc Sở tham dự Hội đồng.

* Mục tiêu chung:

Nghiên cứu đánh giá tác dụng và hiện đại hóa bài thuốc gia truyền hỗ trợ điều trị chứng viêm xoang của Bà Hồ Thị Kim Phượng từ nguồn dược liệu tỉnh An Giang.

* Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng công thức và quy trình sản xuất trà túi lọc và viên nang từ bài thuốc gia truyền của Bà Hồ Thị Kim Phượng có tính an toàn và một số tác dụng dược lý thực nghiệm có thể



Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn tổ chức chủ trì và xét duyệt đề tài cấp tỉnh Hiện đại hóa bài thuốc gia truyền hỗ trợ điều trị chứng viêm xoang của bà Hồ Thị Kim Phượng, thành phố Long Xuyên, An Giang (giai đoạn 2)

ứng dụng trong hỗ trợ điều trị bệnh viêm xoang.

- Xây dựng vùng nguyên liệu của một vài loại dược liệu có trong bài thuốc phù hợp với điều kiện tỉnh An Giang.

- Đào tạo, nâng cao năng lực (nông dân, cán bộ kỹ thuật, cơ sở sản xuất, công ty/doanh nghiệp...) về quy trình trồng, khai thác, bảo quản và sơ chế nguyên liệu và quy trình chế biến, bảo quản sản phẩm.

- Xây dựng nhãn hiệu hướng đến phát triển thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm.

* Sản phẩm dự kiến:

- 2.000 trà túi lọc đạt tiêu chuẩn cơ sở;
- 5.000 viên nang đạt tiêu chuẩn cơ sở;
- Quy trình trồng một số loại dược liệu trong bài thuốc phù hợp với điều kiện địa phương;
- Quy trình sản xuất trà túi lọc;
- Quy trình sản xuất viên nang;
- Bộ tiêu chuẩn kiểm nghiệm trà túi lọc;
- Bộ tiêu chuẩn kiểm nghiệm viên nang;

(xem tiếp trang 38)

NGHIỆM THU NHIỆM VỤ CẤP TỈNH “NGHIÊN CỨU QUY TRÌNH NUÔI TRỒNG VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT TÍNH SINH HỌC CỦA CÁC GIỐNG LAN GẮM (*Anoectochilus sp.*) PHÁT TRIỂN TẠI VÙNG THẮT SƠN, TỈNH AN GIANG”

Sáng ngày 29/9/2021, tại phòng họp số 1 Sở KH&CN tỉnh An Giang tổ chức họp hội đồng KH&CN tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh “Nghiên cứu quy trình nuôi trồng và đánh giá hoạt tính sinh học của các giống Lan Gắm (*Anoectochilus sp.*) phát triển tại Vùng Thất Sơn, tỉnh An Giang” do Trung tâm CNSH An Giang chủ trì, ThS. Nguyễn Công Kha chủ nhiệm. Hình thức họp: các thành viên ngụ tại TP. Long Xuyên họp tập trung tại Sở KH&CN, các thành viên ngụ ngoài TP. Long Xuyên họp trực tuyến.

Hội đồng do ThS. Tăng Phú An (Giám đốc Sở KH&CN) làm Chủ tịch Hội đồng, PGS. TS. Đái Thị Xuân Trang và PGS. TS. Nguyễn Bảo Toàn (Trường Đại học Cần Thơ) làm Thành viên phản biện, cùng các thành viên Hội đồng đến từ Sở Y tế, Chi cục Kiểm lâm, Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm; Văn phòng UBND tỉnh, Sở KH&CN cùng các đại biểu đến từ đại diện các phòng, đơn vị trực thuộc Sở tham dự Hội đồng.

Sau hơn 3 năm thực hiện, đề tài đạt được một số kết quả nổi bật như sau: thu thập được 06 giống lan gắm tại vùng Thất Sơn, trong đó chọn được 01 giống lan gắm ký hiệu AG6 có hoạt tính sinh học cao, có khả năng chống oxy hóa MDA và bảo vệ gan; xây dựng được mô hình trồng 3.000 cây lan gắm trong nhà lưới 200m², 500 cây lan gắm cây mô; xây dựng được 02 quy trình: ⁽¹⁾Quy trình nhân giống cây lan gắm bằng phương pháp tự nhiên và nuôi cấy mô, ⁽²⁾Quy trình thuần dưỡng cây giống lan gắm...



Lan gắm (Anoectochilus sp.)

Sau khi nghe chủ nhiệm đề tài trình bày báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu và xem xét hồ sơ đề nghị đánh giá kết quả đề tài, các thành viên Hội đồng đánh giá cao và thống nhất nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài, xếp loại Khá. Chủ nhiệm đề tài cần chỉnh sửa báo cáo theo các góp ý của Hội đồng và gửi về Sở KH&CN trong thời gian 30 ngày. Trong đó, đề nghị chủ nhiệm đề tài bổ sung bảng so sánh, đánh giá lan gắm tỉnh An Giang và lan gắm tỉnh Lâm Đồng; viết lại quy trình trồng lan gắm chi tiết hơn...

Đây là kết quả đề tài thuộc giai đoạn 1 - giai đoạn tìm được giống lan gắm có hoạt tính sinh học cao, tạo tiền đề tiếp tục thực hiện giai đoạn 2. Kết quả đề tài sau khi nghiệm thu dự kiến chuyển giao Công ty cổ phần Phát triển Du lịch An Giang, Hội Nông dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn tỉnh An Giang có nhu cầu tiếp nhận, chuyển giao ứng dụng theo quy định./.

Như Thảo

Nguồn: website Sở KH&CN An Giang
(<https://sokhcn.angiang.gov.vn/>)

LỄ RA MẮT CÂU LẠC BỘ SÁNG TẠO TRẺ CHI ĐOÀN SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Thực hiện Chương trình Công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm 2021; Hướng dẫn số 128/BKH&CN-VP ngày 29/4/2021 của Bộ KH&CN về việc hướng dẫn tổ chức ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Công văn số 42-CV/ĐTNB ngày 07/5/2021 của BCH Đoàn Bộ KH&CN về việc phối hợp triển khai công tác đoàn và phong trào thanh niên;

Ngày 20/9/2021, Chi đoàn Sở KH&CN đã tổ chức lễ ra mắt Câu lạc bộ Sáng tạo trẻ trực thuộc Chi đoàn Sở KH&CN với 27 thành viên, trong đó ban chủ nhiệm gồm 10 thành viên. Câu lạc bộ hoạt động dựa trên nguyên tắc tự nguyện và có sự quản lý tập trung. Là nơi để đoàn viên thanh niên có nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu và trao đổi về kiến thức, kỹ năng và các sản phẩm nghiên cứu khoa học. Câu lạc bộ còn giúp đỡ hội viên, đoàn viên trong việc tiếp cận và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học,



Các thành viên trong ban chủ nhiệm câu lạc bộ sáng tạo trẻ - Chi đoàn Sở KH&CN An Giang

sản phẩm khoa học vào thực tiễn. Bên cạnh đó, câu lạc bộ có nhiệm vụ tham mưu triển khai các mô hình hoạt động sáng tạo cho đoàn viên, thanh niên ngành KH&CN An Giang thông qua các hoạt động trao đổi chuyên môn, học tập kiến thức mới và giao lưu với các đoàn thể khác.

Cẩm Hồng

*Nguồn: website Sở KH&CN An Giang
(<https://sokhcn.angiang.gov.vn/>)*

(xem tiếp trang 36)

- Kết quả độc tính cấp và bán trường diễn của trà túi lọc và viên nang;

- Kết quả tác dụng dược lý của trà túi lọc và viên nang;

- Kết quả khảo sát độ ổn định của trà túi lọc và viên nang;

- 01 bài báo đăng trên Tạp chí khoa học, Tạp chí chuyên ngành y dược, Tạp chí Y học...

- Hỗ trợ đào tạo 02 đại học hoặc khởi nghiệp.

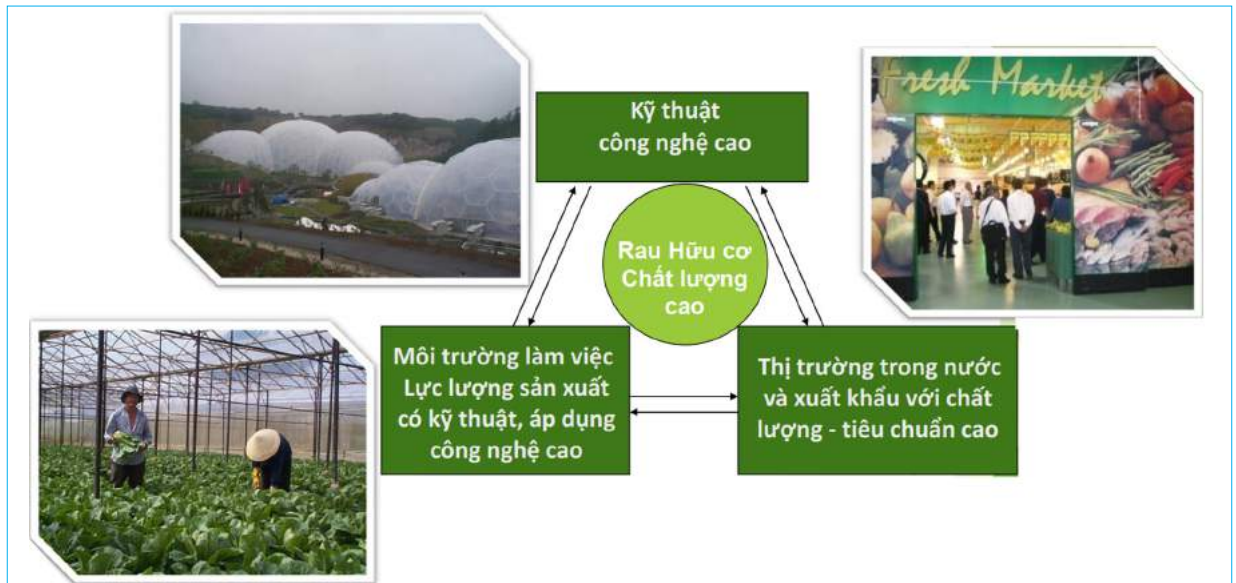
Sau khi nghe đại diện Trung tâm CNSH An Giang là ThS. Lê Thanh Thảo trình bày tóm

tắt đề cương nghiên cứu, các thành viên Hội đồng đã có những đóng góp cụ thể cho từng phương pháp và nội dung thực hiện nhằm hoàn chỉnh đề cương. Hội đồng thống nhất chọn Trung tâm CNSH An Giang là đơn vị chủ trì và ThS. Lê Thanh Thảo là chủ nhiệm đề tài. Tuy nhiên, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm cần chỉnh sửa lại đề cương theo các góp ý của Hội đồng để đáp ứng yêu cầu đặt hàng của tỉnh và nộp hồ sơ về Sở KH&CN để tiến hành các bước tiếp theo./.

Như Thảo

*Nguồn: website Sở KH&CN An Giang
(<https://sokhcn.angiang.gov.vn/>)*

KỸ THUẬT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ QUY MÔ TRANG TRẠI



Sự chuyển đổi của sản xuất nông nghiệp theo hướng ông nghệ cao và hữu cơ (Nguồn: Viện Kinh tế nông nghiệp hữu cơ)

Trong những thập kỷ gần đây, nông nghiệp Việt Nam có bước phát triển mạnh mẽ và đạt được những thành tựu đáng kể về năng suất, sản lượng, chủng loại và quy mô sản xuất... đã tạo ra một khối lượng sản phẩm rất lớn đảm bảo tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, nông nghiệp nước ta đang đứng trước những thách thức không nhỏ đó là vấn đề ô nhiễm môi trường, đất đai bạc màu, suy giảm đa dạng sinh học, ngộ độc thuốc bảo vệ thực vật ở người, bùng phát sâu bệnh do sự phá huỷ hệ sinh thái xuất phát từ việc sử dụng quá nhiều hóa chất.

Để khắc phục những nhược điểm trên, nông nghiệp nước ta đang từng bước chuyển dịch sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ. Trên thị trường, người dân đã biết đến và đang làm quen dần với các sản phẩm nông sản sạch như: rau sạch, rau an toàn và một số hoa quả, thực phẩm an toàn.

Nông nghiệp hữu cơ là một hình thức canh tác nông nghiệp tránh hoặc loại bỏ phần lớn việc sử dụng phân bón tổng hợp, thuốc trừ sâu,

các chất điều tiết tăng trưởng của cây trồng và các chất phụ gia trong thức ăn gia súc. Nông nghiệp hữu cơ chính là giải pháp lớn để hướng tới nền sản xuất nông nghiệp sạch.

Mục đích hàng đầu của nông nghiệp hữu cơ là tối đa hóa sức khỏe và năng suất của các cộng đồng độc lập về đời sống đất đai, cây trồng, vật nuôi và con người.

Theo tổ chức nông nghiệp hữu cơ quốc tế IFOAM (tổ chức thế giới về nông nghiệp hữu cơ): "Vai trò của nông nghiệp hữu cơ, dù cho trong canh tác, chế biến, phân phối hay tiêu dùng là nhằm mục đích duy trì sức khỏe của hệ sinh thái và các sinh vật từ các sinh vật có kích thước nhỏ nhất sống trong đất đến con người."

Nông dân toàn thế giới (trong đó có Việt Nam) đều chọn sản xuất nông nghiệp hữu cơ là vì sức khỏe của cả gia đình họ/thu nhập cao hơn/môi trường tốt hơn/thực phẩm an toàn hơn.

Người tiêu dùng chọn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ vì sản phẩm hữu cơ không có chất thải từ thuốc trừ sâu và chất kích thích tăng

trường trong sản phẩm hữu cơ. Rau quả hữu cơ có vị ngon hơn, nhiều dinh dưỡng hơn và bảo quản được lâu hơn. Rau quả hữu cơ có chứa nhiều chất chống ôxy hoá có tác dụng chống các bệnh ung thư hơn các loại thực phẩm canh tác theo phương thức thông thường.

Sự khác biệt rõ nhất giữa các loại sản phẩm hữu cơ với sản phẩm sạch, an toàn khác là quy trình sản xuất: sản xuất các sản phẩm hữu cơ không sử dụng thuốc trừ sâu và phân hoá học, nguồn thức ăn trong chăn nuôi là nguồn thức ăn tự nhiên. Trong khi quy trình sản xuất rau quả và sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn vẫn sử dụng một số lượng nhất định thuốc trừ sâu và phân bón hoá học, thức ăn tăng trọng và các chất kích thích trong chăn nuôi.

Nhìn chung, canh tác hữu cơ sẽ cải thiện và duy trì cảnh quan tự nhiên và hệ sinh thái nông nghiệp, tránh việc khai thác quá mức và gây ô nhiễm cho các nguồn lực tự nhiên, giảm thiểu việc sử dụng năng lượng và các nguồn lực không thể tái sinh, sản xuất đủ lương thực có dinh dưỡng, không độc hại và có chất lượng cao... Ngoài ra, còn đảm bảo, duy trì và gia tăng độ màu mỡ lâu dài cho đất, củng cố các chu kỳ sinh học trong nông trại, đặc biệt là các chu trình dinh dưỡng, bảo vệ cây trồng dựa trên việc phòng ngừa thay cho cứu chữa, đa dạng các vụ mùa và các loại vật nuôi, phù hợp với điều kiện địa phương.

Xuất phát từ các yêu cầu cấp thuyết trên Trung tâm Nông nghiệp hữu cơ thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã tổ chức lớp tập huấn online “Kỹ thuật sản xuất nông nghiệp hữu cơ quy mô trang trại”, lớp tập huấn được diễn ra từ ngày 22/9 đến ngày 02/10/2021. Khóa tập huấn được thiết kế theo các chủ đề mở để các học viên cùng tham gia học hỏi, thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm trong canh tác hữu cơ ở một số chủ đề do các trang trại đăng ký. Khóa

học online trên nền tảng ứng dụng ZOOM MEETING.

Lớp tập huấn đào tạo kiến thức cơ bản về sản xuất nông nghiệp hữu cơ (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam và giới thiệu tiêu chuẩn hữu cơ của 1 số nước như Nhật bản, Mỹ, Châu Âu... Đào tạo về kiến thức quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ như kỹ thuật sản xuất phân bón, kỹ thuật quản lý dịch bệnh tổng hợp, kỹ thuật thu hái sơ chế bảo quản nông sản... Thông qua lớp tập huấn các học viên hiểu rõ một số nội dung sau: ⁽¹⁾Thực trạng về sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam và trên thế giới Tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam; giới thiệu tiêu chuẩn hữu cơ của một số nước trên thế giới như Mỹ, Nhật Bản, Châu Âu; ⁽²⁾Chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ; quy hoạch, thiết kế trang trại theo tiêu chuẩn hữu cơ; lập kế hoạch sản xuất hữu cơ cho từng đối tượng; ⁽³⁾Kỹ thuật quản lý dinh dưỡng, dịch bệnh tổng hợp, thu hái, chế biến và bảo quản nông sản. Các yếu tố đầu vào ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp hữu cơ; ⁽⁴⁾Canh tác hữu cơ - giới thiệu và bài tập thảo luận về quy trình sản xuất lúa hữu cơ, quy trình sản xuất cây có múi hữu cơ, quy trình sản xuất cây chè hữu cơ, quy trình sản xuất rau ăn lá hữu cơ, quy trình sản xuất chè hữu cơ, quy trình sản xuất rau ăn lá hữu cơ; ⁽⁵⁾Chăn nuôi hữu cơ - kỹ thuật quản lý trang trại chăn nuôi không chất thải và kỹ thuật quản lý dinh dưỡng, hạn chế sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi; ⁽⁶⁾Thủy sản hữu cơ - kỹ thuật xử lý môi trường nước ao nuôi và kỹ thuật quản lý dinh dưỡng, hạn chế sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi; ⁽⁷⁾Quản lý thông tin trang trại, marketing sản phẩm hữu cơ và truy xuất nguồn gốc; ⁽⁸⁾Chuỗi liên kết trong sản xuất hữu cơ giữa nhà khoa học, nhà sản xuất và nhà tiêu thụ./.

Phương Anh

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRIỂN KHAI MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHOA HỌC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19

Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 lây lan rất nhanh tại nhiều địa phương trên cả nước. Từ ngày 27/4/2021 đến nay, dịch bệnh đã lây lan ra 58 tỉnh, thành trên cả nước, trong đó, 13 tỉnh, thành vùng ĐBSCL đều đã ghi nhận ca nhiễm bệnh. Tại An Giang trong thời gian qua, cả hệ thống chính trị đã vào cuộc, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống dịch Covid-19 với tinh thần “chống dịch như chống giặc” và đạt kết quả tốt; được người dân đánh giá cao và tăng thêm niềm tin trong nhân dân. Hiện nay, nguy cơ dịch bệnh lây lan trên diện rộng vẫn thường trực, cần có các giải pháp phân loại các nhóm nguy cơ khác nhau, phương án ứng xử trong quá tình kiểm soát dịch bệnh; các kịch bản, phương án phòng, chống dịch thật sự hiệu quả.

Để góp phần trong việc xây dựng kịch bản và phương án phòng chống dịch hiệu quả hơn, trong năm 2020, Sở KH&CN đã giao nhiệm vụ cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN sản xuất thử nghiệm thành công và chuyển giao quy trình sản xuất dung dịch rửa tay khô sát khuẩn phòng, chống dịch bệnh Covid-19 (xem quy trình pha dung dịch rửa tay khô sát khuẩn theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới - WHO trong bản tin KH&CN An Giang số 01/2020) . Đồng thời, Trung tâm còn phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức 21 lớp tập huấn kỹ thuật tự pha chế và sử dụng dung dịch rửa tay khô sát khuẩn trong trường học cho 1.119 cán bộ các Phòng Giáo dục và Đào tạo và các trường học trên toàn tỉnh. Qua lớp tập huấn, các cán bộ và giáo viên có thể tự pha chế nước rửa tay khô sát khuẩn và triển khai sử dụng cho đơn vị của mình. Bên cạnh đó, Trung tâm đã hỗ trợ miễn phí cho 11 điểm trường tổ

chức tập huấn một số nguyên liệu (gồm: 20 lít cồn 96%, 1 lít ôxy già 3%, 0,34 lít glycerin 98%) để các trường có thể tự pha chế, sử dụng. Đến nay, tất cả các trường học đã tiến hành mua nguyên liệu để pha chế nước rửa tay khô sát khuẩn sẵn sàng đón học sinh trở lại trường sau dịch bệnh. Ngoài ra, nhiều cơ quan, đơn vị cũng áp dụng quy trình này để tự pha chế dung dịch rửa tay khô sát khuẩn sử dụng hiệu quả, ít tốn chi phí và tiện ích.

Trong 9 tháng đầu năm 2021, Sở KH&CN đã phối hợp với các ngành chức năng có liên quan như Sở Y tế; Hội đồng y; Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang; Bệnh Viện Đa khoa Hạnh Phúc An Giang; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ có liên quan như: “Xây dựng bộ giải pháp thích ứng tình hình dịch Covid-19 tại An Giang”; “Sản xuất trà túi lọc Xuyên tâm liên kết hợp với dược liệu khác”; “Thử nghiệm biện pháp xông mũi họng bằng tinh dầu hỗ trợ sát khuẩn hô hấp cho người bị nhiễm SARS-Cov-2 không có triệu chứng (F0) tại Bệnh viện dã chiến ở 03 huyện Châu Thành, Phú Tân, An Phú”.

Đây là các nhiệm vụ cấp thiết trong giai đoạn hiện nay, kết quả triển khai các nhiệm vụ nhằm tìm ra các giải pháp hữu hiệu trong việc phân nhóm đối tượng; giải pháp kiểm soát các đối tượng cũng như các kịch bản, phương án phòng, chống dịch bệnh bài bản hơn trong thời gian tới đồng thời đảm bảo tính khoa học và thực tiễn. Từng bước đưa hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 của tỉnh đi vào ổn định, có các chiến lược rõ ràng và thực hiện đồng bộ, nhịp nhàng giữa các đơn vị./.

Tiếp Thu

CHUNG KẾT VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ CUỘC THI “Ý TƯỞNG SÁNG TẠO KHỞI NGHIỆP TỈNH AN GIANG LẦN V NĂM 2021”

Ngày 30/10/2021, Trung tâm Hỗ trợ Thanh niên Khởi nghiệp - Tỉnh đoàn An Giang phối hợp cùng Sở KH&CN tổ chức Vòng Chung kết cuộc thi “Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp tỉnh An Giang lần thứ V năm 2021” với sự tham gia của 23 dự án, ý tưởng của thanh niên toàn tỉnh.

Cuộc thi “Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp tỉnh An Giang” là một trong những hoạt động lớn được tổ chức thường niên của Trung tâm Hỗ trợ Thanh niên Khởi nghiệp và nhận sự quan tâm của lực lượng thanh niên các cấp, với mong muốn tìm kiếm những dự án, ý tưởng mới và sáng tạo nhằm mục tiêu tạo sự phong phú cho nền cung ứng hàng hóa, sản phẩm khởi nghiệp cho tỉnh nhà. Qua đó, cuộc thi năm nay đã trải qua 07 tháng phát động và nhận được 83 dự án, ý tưởng gửi về Trung tâm tham gia dự thi; nông nghiệp là lĩnh vực chiếm ưu thế so với các lĩnh vực khác.

Năm nay, trước bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đã và đang diễn ra chưa có dấu hiệu hạ nhiệt tại An Giang, Ban Tổ chức đã kết hợp 02 hình thức trực tuyến và trực tiếp cho phù hợp với tình hình thực tế. Theo đó, các dự án ý tưởng ở các huyện, thị, thành (ngoài TP. Long Xuyên) sẽ tham gia dự thi theo hình thức trực tuyến, còn lại sẽ dự thi theo hình thức trực tiếp thuyết trình trước Hội đồng Ban Giám khảo tại Hội trường.

Kết thúc cuộc thi, Ban Tổ chức đã chăm chọn và thống nhất trao giải cho dự án ý tưởng



Ban tổ chức trao giải cuộc thi “Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp tỉnh An Giang lần thứ V năm 2021”

có thành tích xuất sắc, cụ thể: 02 giải Nhì thuộc về dự án “Quy trình công nghệ sản xuất cốm” và dự án “Vỏ bưởi sấy dẻo Mộc Việt”; 03 giải Ba thuộc về dự án “Sản xuất cốm sấy dẻo”, dự án “Phát triển mô hình nuôi chồn hương Bảy Núi theo hướng an toàn” và dự án “Nuôi cá Koi trong ao đất”; 05 giải Khuyến khích thuộc về dự án “Sữa thực vật”, dự án “Tranh lá bồ đề thư pháp”, dự án “Trồng nấm rơm công nghệ mới”, ý tưởng “Nghiên cứu quy trình sản xuất hạt giống rau màu ưu thế lai F1”, dự án “Me chua tách vỏ Ori”.

Những dự án, ý tưởng đạt giải tại cuộc thi sẽ nhận được sự hỗ trợ tư vấn hoàn thiện sản phẩm, kết nối đầu ra cho sản phẩm, liên kết dự án ý tưởng đến các đơn vị chức năng giúp các bạn hoàn thiện sản phẩm của mình. Mong rằng, hành trình của cộng đồng start-up An Giang sẽ tiếp tục sôi động trở lại và hứa hẹn mang lại nhiều dự án, ý tưởng đột phá trong tương lai./.

Nguyễn Phương Thu

CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI 2022: “ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT VÁN SÀN COMPOZIT GỖ NHỰA ĐỂ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG TẠI TỈNH AN GIANG”

Thực hiện Quyết định số 1855/QĐ-BKHCN ngày 13/7/2021 của Bộ Trưởng Bộ KH&CN Quyết định phê duyệt kinh phí dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi bắt đầu thực hiện từ 2022 (đợt 1) với 76 dự án do Trung ương quản lý thuộc “Chương trình Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển KT-XH nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025”. Trong đó tỉnh An Giang có 01 dự án “Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình sản xuất ván sàn composit gỗ nhựa để làm vật liệu xây dựng tại tỉnh An Giang” do Công ty TNHH Tân Kỳ - địa chỉ số 88/4 Trần Phú, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang là tổ chức chủ trì. Đơn vị hỗ trợ ứng dụng công nghệ là Viện Hóa học - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Thời gian thực hiện 30 tháng (bắt đầu triển khai thực hiện dự án năm 2022).

* Mục tiêu cụ thể

(tiếp theo trang 14)

phát triển doanh nghiệp công nghiệp (doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài); nhóm giải pháp cấp độ doanh nghiệp như tăng cường nguồn lực kinh doanh của doanh nghiệp, chú trọng đổi mới công nghệ tại doanh nghiệp, sẵn sàng cho hoạt động M&A; nhóm giải pháp đối với các cơ sở sản xuất cá thể như truyền thông, hướng dẫn việc chuyển đổi từ hộ cá thể sang loại hình doanh nghiệp, đào tạo, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các hộ cá thể; nhóm giải pháp về chính sách như chính sách phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, chính sách tạo lập môi trường đầu

- Tiếp nhận, làm chủ được các quy trình công nghệ sản xuất vật liệu gỗ nhựa từ nguồn nguyên liệu tái sinh sẵn có tại tỉnh An Giang.

- Xây dựng 01 mô hình sản xuất sản xuất vật liệu gỗ nhựa với nguyên liệu có sẵn tại địa phương với công suất 40.000 m²/năm (tấm gỗ nhựa 140 x 25mm).

- Sản xuất hoàn chỉnh sản phẩm lô số 0, số lượng: 5.000m² đạt tiêu chuẩn TCVN 11352:2016.

- Đào tạo 10 kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn cho 200 cửa hàng, doanh nghiệp kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Việc triển khai dự án góp phần xây dựng được mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến sản xuất gỗ nhựa chất lượng cao từ nguyên liệu phế liệu sẵn có tại địa phương nhằm thay thế các vật liệu truyền thống góp phần nâng cao hiệu quả KT-XH của tỉnh An Giang và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm khai thác, sử dụng tài nguyên rừng./.

Tiếp Thu

tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp, chính sách thúc đẩy thị trường dịch vụ phục vụ doanh nghiệp, chính sách phân bổ không gian công nghiệp và nhóm giải pháp đối với làng nghề tiểu thủ công nghiệp như hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các làng nghề, hỗ trợ vốn vay cho các cơ sở ngành nghề bị ô nhiễm môi trường di dời ra khỏi khu dân cư đến cụm công nghiệp, khu quy hoạch ngành nghề nông thôn.

Kết quả sau khi nghiệm thu sẽ chuyển giao cho Sở Công thương và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang ứng dụng và nhân rộng theo quy định./.

KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH NĂM 2021 - 2022 TỈNH AN GIANG

Thực hiện Thông báo số 852/TB-SKHCN ngày 09/7/2021 của Sở KH&CN về việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2021 - 2022, Sở KH&CN An Giang đã tổ chức 10 hội đồng KH&CN cấp tỉnh tư vấn tuyển chọn được 9 tổ chức, cá nhân chủ trì cho 10 hồ sơ đăng ký dự tuyển, cụ thể:

| STT | Nhiệm vụ KH&CN | Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm |
|-----|--|---|
| 1 | Nghiên cứu tác động thuốc trừ sâu phospho hữu cơ ảnh hưởng đến chất lượng tinh trùng của người phun thuốc tại tỉnh An Giang và hiệu quả của một số biện pháp can thiệp | Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh ThS. Nguyễn Hồng Lập |
| 2 | Thực trạng kiến thức, thực hành và một số yếu tố liên quan đến phòng chống dịch bệnh Covid-19 của người dân và cán bộ y tế tuyến cơ sở thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang năm 2021 | Trung tâm Nghiên cứu Khoa học xã hội và Nhân văn (Trường Đại học An Giang) ThS. Lê Thị Hồng Hạnh |
| 3 | Nghiên cứu sản xuất giống cá xác (<i>Pangasius macronema Bleeker, 1851</i>) tại An Giang | Trung tâm Giống Thủy sản An Giang ThS. Trần Phùng Hoàng Tuấn |
| 4 | Nghiên cứu nhu cầu dinh dưỡng, công thức sản xuất thức ăn công nghiệp của cá chạch lấu (<i>Mastacembelus favaus, Hora 1824</i>) | Trường Đại học An Giang TS. Phan Phương Loan |
| 5 | So sánh năng suất, chất lượng giống lúa (Jasmine 85, LT1, LT18 và OM18) với các giống lúa chất lượng cao trong và ngoài nước ở điều kiện canh tác tại tỉnh An Giang | Viện Nghiên cứu Nông nghiệp Lộc Trời (Chi nhánh Trung tâm Nghiên cứu nông nghiệp Định Thành) ThS. Nguyễn Kim Khánh |
| 6 | Xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu phục vụ Đề án xây dựng và phát triển thương hiệu gạo An Giang tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang | Viện nghiên cứu Nông nghiệp công nghệ cao ĐBSCL TS. Nguyễn Trọng Phước |
| 7 | Nghiên cứu phát triển sản xuất và tiêu thụ xoài thơm Vĩnh Hòa gắn với phát triển du lịch sinh thái tỉnh An Giang | Trường Đại học An Giang TS. Nguyễn Thị Mỹ Duyên |
| 8 | Ứng dụng công nghệ viễn thám kết hợp đánh giá chất lượng đất phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho các tiểu vùng sản xuất lúa kém hiệu quả do hạn ở tỉnh An Giang | Trường Đại học Cần Thơ PGS. TS. Võ Quốc Tuấn |
| 9 | Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển tỉnh An Giang | Trường Chính trị Tôn Đức Thắng TS. Hồ Ngọc Trường |

Phòng Quản lý Khoa học
Sở KH&CN An Giang

Ban biên tập Bản tin KH&CN An Giang kính mong bạn đọc tham gia góp ý xây dựng để Bản tin ngày càng phát triển, đáp ứng nhiệm vụ tuyên truyền và nhu cầu thông tin của bạn đọc. Mọi ý kiến, góp ý vui lòng gửi đến Toà soạn:

- Địa chỉ: Số 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Điện thoại: 0939 007676 (Hà Thị Mỹ Trang - Thư ký)

- Email: bantinkhcnag@gmail.com

Chân thành cảm ơn!

1. CUỘC THI “GIẢI PHÁP THƯƠNG MẠI HÓA SÁNG CHẾ 2021”

* Đối tượng tham gia:

Mọi cá nhân có quốc tịch Việt Nam hoặc tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam là chủ sở hữu hoặc được nhượng quyền sử dụng khai thác bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích hoặc khai thác áp dụng bằng sáng chế/giải pháp hữu ích đã hết hiệu lực bảo hộ tại Việt Nam đều có quyền đăng ký tham dự.

* Cơ cấu giải thưởng:

Tổng số giải thưởng gồm: một (01) giải Nhất, một (01) giải Nhì, một (01) giải Ba, bảy (07) giải Khuyến khích và Giải pháp thương mại hóa sáng chế được khán giả yêu thích nhất.

Giải thưởng bao gồm: cúp, ki niệm chương, giấy khen Hội Sáng chế, tiền thưởng, gói tư vấn về SHTT và gói học bổng tham gia các khóa đào tạo về SHTT, ngoài ra sẽ được BTC tổ chức quảng bá, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng.

* Cách thức nộp hồ sơ:

Hồ sơ tham dự phải nộp 01 bản giấy đến địa chỉ: **Hội sáng chế Việt Nam; số 31 Hàn Thuyên, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh**; và bản điện tử dưới định dạng PDF gửi vào địa chỉ thư điện tử: cuocthigiaiphapthmhsc@gmail.com.

2. VINH DANH “NGÔI SAO SÁNG CHẾ IPSTAR 2021”

* Các danh hiệu vinh danh:

- 12 (mười hai) danh hiệu “**Ngôi sao sáng chế IPSTAR 2021**” dành cho các Chủ sở hữu có nhiều bằng sáng chế/giải pháp hữu ích, trong giai đoạn từ tháng 01/2016 đến hết tháng 09/2021.

- 03 (ba) danh hiệu “**Ngôi sao sáng chế trẻ IPSTAR 2021**” dành cho cá nhân trẻ là tác giả của bằng sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp tại Việt Nam trong giai đoạn từ tháng 01/2016 đến hết tháng 08/2021.

* Cơ cấu giải thưởng:

- Danh hiệu “**Ngôi sao sáng chế IPSTAR 2021**”: Giấy khen của Hội Sáng chế Việt Nam, Huy hiệu IPSTAR, tham dự các khóa học đào tạo miễn phí do Hội sáng chế Việt Nam tổ chức và được tham gia vào cộng đồng các nhà sáng chế và khởi nghiệp Việt Nam.

- Danh hiệu “**Ngôi sao sáng chế trẻ IPSTAR 2021**”: Giấy khen của Hội Sáng chế Việt Nam, Huy hiệu IPSTAR, tham dự các khóa học đào tạo miễn phí do Hội sáng chế Việt Nam tổ chức và được tham gia vào cộng đồng các nhà sáng chế và khởi nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, các tổ chức, cá nhân được vinh danh cũng sẽ được Ban Tổ chức tổ chức quảng bá, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng.

* Cách thức nộp hồ sơ:

Hồ sơ tham dự phải nộp 01 bản giấy đến địa chỉ: **Hội sáng chế Việt Nam; số 31 Hàn Thuyên, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh**; và bản điện tử dưới định dạng PDF gửi vào địa chỉ thư điện tử: ngoisaosangcheipstar@gmail.com.

3. THÔNG TIN CHUNG

* Các mốc thời gian lưu ý:

- Hạn chót nộp hồ sơ: **12/11/2021**

- Xem xét, đánh giá hồ sơ: 13/11/2021 - 30/11/2021

- Công bố và vinh danh cùng sự kiện tổng của TECHFEST: Tháng 12/2021.

* Đường link tải mẫu hồ sơ tại: <https://bom.to/4kDpbf>

* Thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ: Chị Hà Diệu Linh 091.772.6569./.

THÔNG TIN CẦN BIẾT

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG

Đường dây nóng tiếp nhận phản ánh vi phạm đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu
☎ 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
☎ Chánh Thanh tra: 0918 309806
☎ Cơ quan: (0296) 3852850 hoặc (0296) 3852212

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (IP VIET NAM)

☎ 386 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
☎ (024) 38583069, (024) 38583425, (024) 38583793, (024) 38585156

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

☎ Lầu 7, tòa nhà Hà Phan, số 17 - 19 Tôn Thất Tùng, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
☎ (028) 39208483 hoặc (028) 39208485

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

☎ 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
☎ (0296) 3955300
☎ <http://tbtagi.angiang.gov.vn>

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ SINH HỌC AN GIANG

☎ 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
☎ (0296) 6504499
☎ <https://congnghesinhhoc-biotech.vn>

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG

☎ 17 Lê Lai, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
☎ (0296) 3954305 hoặc (0296) 3954306
☎ <https://agitech.vn> ☎ <https://atbe.vn>

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN AN GIANG là dấu hiệu để người tiêu dùng nhận biết nguồn gốc các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh An Giang được sản xuất trên cơ sở áp dụng những quy trình, quy chuẩn theo hướng an toàn



Mọi thắc mắc về Nhãn hiệu chứng nhận An Giang vui lòng liên hệ:

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

☎ (0296) 3955 300 🌐 tbtagi.angiang.gov.vn